



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM



Mục lục

I.	THÔNG TIN CHUNG	3
1.1	Thông tin khái quát	3
1.2	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	5
1.3	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
1.4	Định hướng phát triển	6
1.5	Các rủi ro	7
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	9
2.1	Tình hình hoạt động kinh doanh	9
2.2	Tổ chức và nhân sự	9
2.3	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	9
2.4	Tình hình tài chính	10
2.5	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	10
2.6	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	11
2.6.1	Tác động lên môi trường:	11
2.6.2	Quản lý nguồn nguyên vật liệu:	11
2.6.3	Tiêu thụ năng lượng	11
2.6.4	Tiêu thụ nước	11
2.6.5	Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	11
2.6.6	Chính sách liên quan đến người lao động	11
2.6.7	Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	12
2.6.8	Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN	13
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	13
3.1	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	13
3.2	Tình hình tài chính	13
3.3	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	13
3.4	Kế hoạch phát triển trong tương lai	14
3.5	Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	14
3.6	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	14
3.6.1	Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường	14
3.6.2	Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động	14
3.6.3	Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương	14
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	14
4.1	Đánh giá của Hội đồng Thành viên về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội	14
4.2	Đánh giá của Hội đồng thành viên về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty	15
4.3	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng thành viên	15

V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	16
5.1	Hội đồng thành viên.....	16
5.2	Ban Kiểm soát.....	24
5.3	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc	25
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	26
6.1	Ý kiến kiểm toán.....	26
6.2	Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	26

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1 Thông tin khái quát

Tên giao dịch: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Giấy phép thành lập và hoạt động số 127/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/06/2019, sửa đổi các ngày 17/02/2023 và ngày 22/06/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700334885 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/06/2019, thay đổi lần thứ 6 ngày 03/07/2023.

Vốn điều lệ: 2.500 tỷ đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.500 tỷ đồng

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà Saigon Centre, 65 Lê Lợi, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 028.3622.6868

Số fax: 028.3915.2728

Website: <https://yuanta.com.vn/>

Mã cổ phiếu: N/A

Quá trình hình thành và phát triển

i. Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất (FSC)

- Do yêu cầu đổi mới doanh nghiệp nhà nước, từ những ngày đầu thành lập thị trường chứng khoán Việt Nam, tỉnh Bình Dương là một trong số các địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã đặc biệt quan tâm đến việc hình thành và phát triển của thị trường chứng khoán. Vì vậy dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, Công ty Thương Mại - Đầu Tư và Phát Triển (tiền thân của Tổng Công ty Đầu Tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP) đã thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất (vốn điều lệ ban đầu là 43 tỷ đồng) với vai trò là cổ đông sáng lập theo Giấy phép thành lập số 249/GP-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/10/1999, Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh số 060250 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/12/1999.
- Ngày 08/04/2000, Công ty được UBCKNN cấp Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 04/GPHDKD. Lễ trao giấy phép cho hai công ty chứng khoán đầu tiên ở phía nam là Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất và Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài gòn (SSI) được tiến hành trọng thể ngày 12/04/2000 tại Trụ sở Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Tp. HCM.

- Tháng 07 năm 2000, Công ty chính thức trở thành thành viên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM (nay là Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. HCM) theo Quyết định số 04/QĐTV-TTGD4 ngày 19/07/2000.
- Ngày 07/02/2001, Công ty được UBCKNN chấp thuận mở Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/2001/QĐ-UBCKNN.
- Ngày 27/12/2006, UBCKNN chấp thuận việc chuyển nhượng 28,10% vốn của cổ đông Công ty cho Công ty Yuanta Securities Asia Financial Services LTD theo Quyết định số 842/QĐ-UBCK.
- Ngày 29/12/2006, Công ty trở thành thành viên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội) theo Quyết định số 121/QĐ-TTGDHN.
- Ngày 09/08/2010, UBCKNN chấp thuận việc mở chi nhánh Hà Nội của Công ty theo Quyết định số 648/QĐ-UBCK.
- Ngày 22/04/2016 được UBCKNN chấp thuận cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến theo quyết định số 481/QĐ-UBCK. Sau khi được sự chấp thuận của các Sở Giao dịch, Công ty đã đưa vào sử dụng hệ thống giao dịch trực tuyến mới tại địa chỉ <https://www.e-fsc.com.vn> với nhiều chức năng và tiện ích mới giúp nhà đầu tư dễ dàng quản lý tài khoản, đặt lệnh mua bán chứng khoán và chuyển tiền trong và ngoài hệ thống.
- Tháng 06/2015, sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN, Công ty đã cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ.
- Tháng 06/2017, cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch Upcom.
- Tháng 10/2017, cổ đông sáng lập của Công ty, Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV thoái toàn bộ vốn khỏi Công ty.

ii. *Công ty Chứng khoán Yuanta Việt Nam*

- Tháng 02/2018, Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Yuanta Việt Nam và chuyển trụ sở công ty từ Bình Dương về Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 28/05/2018, Công ty được UBCKNN chấp thuận thành lập Chi nhánh Bình Dương.
- Ngày 25/06/2018, Công ty được UBCKNN chấp thuận thành lập Chi nhánh Đồng Nai.
- Ngày 27/09/2018, Công ty hủy đăng ký công ty đại chúng.
- Ngày 14/06/2019, Công ty chuyển đổi hình thức pháp lý từ Công ty Cổ phần sang Công ty Trách nhiệm Hữu hạn từ hai thành viên trở lên.

- Ngày 09/07/2019, Công ty được UBCKNN chấp thuận thành lập Chi nhánh Đà Nẵng.
- Ngày 27/09/2019, Công ty được UBCKNN chấp thuận thành lập Chi nhánh Vũng Tàu.
- Ngày 01/10/2019, Công ty chính thức cung cấp các dịch vụ liên quan đến chứng khoán phái sinh ra thị trường.
- Tháng 11/2021, Công ty được UBCKNN chấp thuận thành lập Phòng giao dịch Láng Hạ trực thuộc Chi nhánh Hà Nội.
- Ngày 24/11/2021, Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp từ Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 01/12/2021, UBCKNN chấp thuận cho Công ty được cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán.
- Tháng 02/2022, Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận phân phối Chứng chỉ quỹ đại chúng.
- Tháng 02/2023, Công ty tăng vốn lên 2.500 tỷ đồng.
- Tháng 12/2024, UBCKNN ban hành Quyết định về việc thu hồi quyết định thành lập Phòng giao dịch Láng Hạ của Công ty.

iii. Các giải thưởng Công ty đạt được trong năm 2024:

Với kết quả kinh doanh ấn tượng và những đóng góp cho xã hội, Công ty đã được vinh danh các giải thưởng sau trong năm 2024:

- Ngày 08/08/2024 – Công ty tự hào được vinh danh giải thưởng HR Asia – Best Companies to Work for in Asia 2024 (“Nơi làm việc tốt nhất Châu Á”) do Tạp chí HR Asia bình chọn. Giải thưởng này công nhận những chính sách và hoạt động nhân sự xuất sắc, thể hiện cam kết mạnh mẽ của Yuanta Việt Nam trong việc xây dựng một môi trường làm việc năng động và đa dạng.
- Ngày 10/04/2024, Công ty vào TOP 50 doanh nghiệp FDI tiêu biểu 2023-2024, và nhận giải thưởng “Thương hiệu phát triển bền vững” (Sustainable Brand Development) tại Lễ công bố và vinh danh các Doanh nghiệp FDI tiêu biểu tại giải thưởng Rồng Vàng (Golden Dragon Awards) lần thứ 23, do báo Vneconomy tổ chức.

1.2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

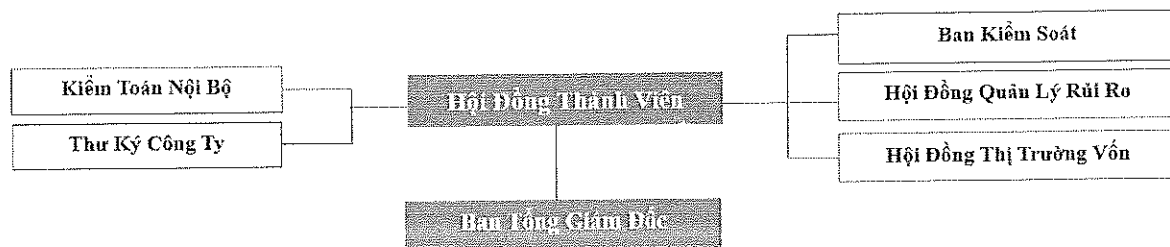
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành; Tự doanh; Kinh doanh chứng khoán phái sinh; và các dịch vụ tư vấn tài chính khác.

Địa bàn kinh doanh của Công ty tập trung chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương, Đồng Nai, Đà Nẵng và Vũng Tàu.

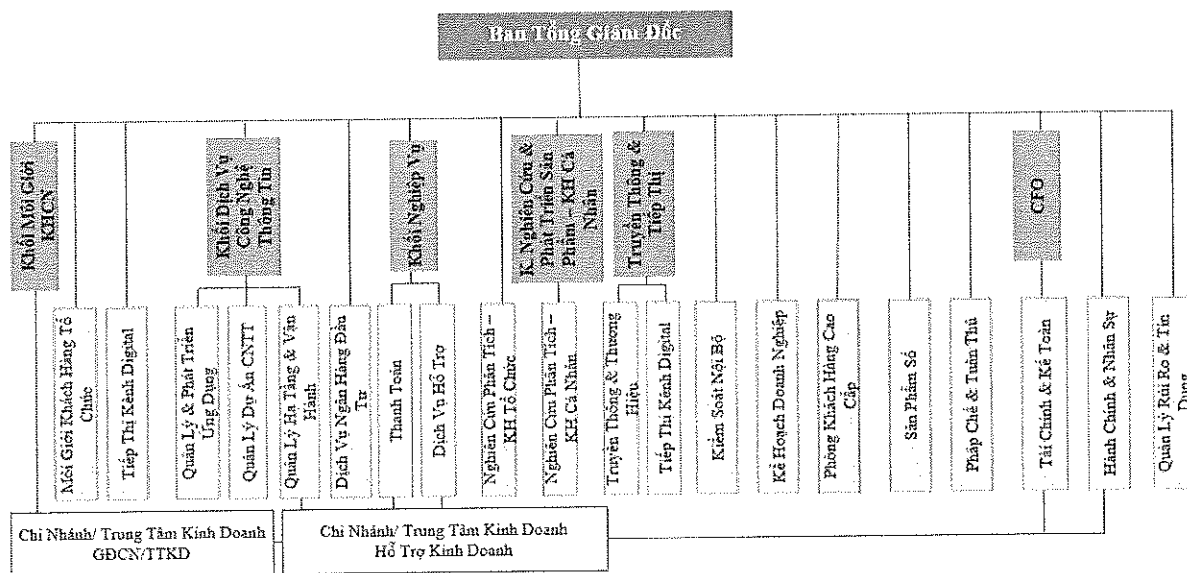
1.3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị:

YSVN là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và hoạt động theo mô hình quản trị như sau:



b. Cơ cấu bộ máy quản lý



c. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

1.4 Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2025: Công ty sẽ tập trung vào việc xây dựng năng lực của mình trong giao dịch trực tuyến, nâng cao trải nghiệm giao dịch cho nhà đầu tư và nâng cao tính bảo mật của hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống giao dịch trực tuyến.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Công ty sẽ phát triển mạng lưới đến một số tỉnh, thành phố lớn, xây dựng hệ thống giao dịch trực tuyến hiện đại cùng với các tính năng dịch vụ tự động; tập trung phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo đầu tư cho các nhà đầu tư cá nhân; đem lại trải nghiệm tốt nhất cho nhà đầu tư thông qua việc đa dạng sản phẩm dịch vụ, phát triển các dịch vụ và sản phẩm của thị trường phái sinh và chứng quyền có bảo đảm.

- Các mục tiêu phát triển bền vững: Các hoạt động của Công ty hướng đến tiết kiệm nước, giấy, năng lượng góp phần bảo vệ môi trường và hỗ trợ xã hội, cộng đồng bằng nhiều hình thức đóng góp, chương trình từ thiện khác nhau.

1.5 Các rủi ro

- Rủi ro thị trường:

Các hoạt động kinh doanh chính của YSVN có tiềm ẩn rủi ro thị trường là các hoạt động đầu tư tiền gửi, cho vay ký quỹ và sản phẩm chứng khoán phái sinh. Doanh thu từ các hoạt động này bị ảnh hưởng bởi những biến động về lãi suất, giá cổ phiếu, có thể do tình hình thị trường, những thay đổi về chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô của Chính phủ Việt Nam hoặc của các nước liên quan khác, những biến động về địa chính trị như tình hình bất ổn trên Biển Đông, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, cũng như những quy định pháp lý khác. Khi lãi suất và giá cổ phiếu biến động ngoài dự kiến, có thể dẫn tới việc giảm sút doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Để giảm thiểu các rủi ro này, YSVN đảm bảo duy trì công tác quản trị rủi ro mang tính chuyên sâu, tách bạch theo từng loại rủi ro và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận liên quan với bộ phận quản lý rủi ro từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, chiến lược phân tán rủi ro, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý rủi ro.

- Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi YSVN mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán của nhà đầu tư sử dụng vốn vay ký quỹ (margin), và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động thanh toán của các nhà đầu tư trên tài khoản họ duy trì tại YSVN. Với số lượng khách hàng ngày càng gia tăng qua các năm trên thị trường cơ sở, với hàng trăm nghìn yêu cầu thanh toán mỗi ngày, YSVN phải bảo đảm vận hành hoạt động thanh toán cho nhà đầu tư một cách nhanh chóng, an toàn và tiết kiệm chi phí nhất.

- Rủi ro nhân lực:

Do đặc thù của ngành, nguồn nhân lực trên thị trường chứng khoán luôn đòi hỏi có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, đạo đức kinh doanh. Đảm bảo đủ nguồn nhân lực chất lượng cao là sống còn với các công ty chứng khoán. Khi thị trường chứng khoán tăng trưởng, sự cạnh tranh giữa các tổ chức tài chính, công ty chứng khoán trong việc thu hút nhân lực là rất gay gắt. Ngược lại khi thị trường chứng khoán sụt giảm thì hiện tượng chảy máu chất xám ồ ạt từ lĩnh vực chứng khoán sang các lĩnh vực khác làm cho các doanh nghiệp chứng khoán thiếu hụt nhân sự trầm trọng. Tuy nhiên xác định con người là sức mạnh cốt lõi, YSVN luôn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên

nghiệp, năng động, mang đậm văn hóa YSVN. Nhờ những nỗ lực trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự, trọng dụng nhân tài, chú trọng đầu tư đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, hiện YSVN đã và đang tạo ra được sự ổn định về mặt nhân sự, đặc biệt là nhân sự cấp cao.

- **Rủi ro pháp lý:**

YSVN hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Công ty. Rủi ro luật pháp tại YSVN là rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định, quy trình của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty thường xuyên cập nhật các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến thị trường chứng khoán và các lĩnh vực liên quan. Đảm bảo việc phổ biến các chế độ, chính sách của Nhà nước; quy định, quy trình của công ty cho tất cả các đơn vị, cán bộ có liên quan. Nhờ đó giúp Công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề về pháp luật. Công ty cũng đã ban hành các quy trình nghiệp vụ quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể cho từng phòng ban nghiệp vụ và thực hiện phổ biến đến từng cán bộ nhân viên trong Công ty giúp Công ty hạn chế những rủi ro luật pháp trong hoạt động.

- **Rủi ro thanh toán:**

Rủi ro thanh toán là rủi ro khi một/một số khách hàng hoặc đối tác không thể thanh toán đầy đủ/đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đầy đủ/đúng hạn như cam kết. Để hạn chế tối đa các ảnh hưởng/thiệt hại của rủi ro thanh toán đối với hoạt động và hiệu quả hoạt động của công ty, YSVN thực hiện các biện pháp sau:

- Thực hiện phân cấp thẩm quyền đề xuất và phê duyệt hạn mức cung ứng, hỗ trợ vốn tối đa cho một Khách hàng theo Quy định Quản lý rủi ro hoạt động hỗ trợ vốn cho khách hàng của YSVN nhằm đảm bảo an toàn cho YSVN dựa trên việc cập nhật liên tục về năng lực tài chính, tài sản đảm bảo của khách hàng.
- Hợp đồng giao dịch ký quỹ của YSVN phải quy định rõ ràng các điều khoản để thực hiện việc bán thanh lý. Khi giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản vay giao dịch ký quỹ xuống đến một mức nhất định/đến thời điểm đáo hạn hợp đồng giao dịch ký quỹ thì YSVN phải thực hiện việc bán thanh lý tài sản đảm bảo để đảm bảo việc thu hồi vốn vay, lãi vay, các loại phí (nếu có) của Công ty.
- Sử dụng các phần mềm để quản lý trạng thái các giao dịch ký quỹ, thực hiện cảnh báo và lệnh xử lý bán tự động trong các giao dịch ký quỹ giúp YSVN thực hiện quản lý và bán chứng khoán là tài sản đảm bảo ngay khi giá chứng khoán xuống đến một mức nhất định để đảm bảo an toàn cho Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

2.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Lợi nhuận trước và sau thuế đạt tương ứng là 154,3 và 122,3 tỷ đồng, bằng lần lượt 100% và 101% so với năm 2023.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: Với lợi nhuận trước và sau thuế đạt 154,3 và 122,3 tỷ đồng, đạt lần lượt 97% và 96% kế hoạch đặt ra cho năm 2024.

2.2 Tổ chức và nhân sự

Mô hình tổ chức Công ty như sau:

- Các thành viên góp vốn của Công ty bao gồm:

STT	Tên
1	Yuanta Securities Asia Financial Services Private Limited
2	Yuanta Securities (Hong Kong) Company Limited

- Trong đó, Chủ tịch Hội đồng thành viên là:

STT	Tên	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
1	Ông Chao Jen Kai	Tái bổ nhiệm ngày 19/07/2024

- Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Ong Cheow Kheng	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 19/07/2024
Ông Trần Công Quyền	Thành viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 19/07/2024
Ông Trần Hoàng Bảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/07/2024
Bà Văn Thị Kiều Trinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/07/2024

- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/07/2021
Bà Lê Thị Quyên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/03/2021

Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2024 là 348 nhân viên.

2.3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Không có.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

2.4 Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	%tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	4.629.079.377.382	5.389.408.699.267	16%
Doanh thu thuần	566.969.763.270	607.948.608.783	7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	153.535.394.340	152.812.369.475	0%
Lợi nhuận khác	162.692.910	1.483.185.945	812%
Lợi nhuận trước thuế	153.698.087.250	154.295.555.420	0%
Lợi nhuận sau thuế	120.902.938.895	122.306.982.354	1%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2,8 lần	2,4 lần	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	2,8 lần	2,4 lần	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	35,17%	42,05%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	54,26%	72,56%	
<i>3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	21,32%	20,12%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	4,03%	3,92%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,61%	2,27%	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	27,08%	25,14%	

2.5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Phần vốn góp: N/A

b) Cơ cấu góp vốn tại ngày 31/12/2024 như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Yuantan Securities Asia Financial Services Private Limited	94,1

2	Yuanta Securities (Hong Kong) Company Limited	5,9
---	---	-----

c) Tình hình thay đổi vốn của chủ đầu tư:

- Ngày 05/06/2007: Công ty tăng vốn điều lệ từ 43 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng.
- Ngày 13/10/2008: Công ty tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng.
- Tháng 09/2018: Công ty tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng.
- Tháng 09/2020: Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng.
- Tháng 12/2021: Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.500 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng.
- Tháng 02/2023: Công ty tăng vốn điều lệ từ 2.000 tỷ đồng lên 2.500 tỷ đồng.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Công ty không phát hành chứng khoán trong năm 2024.

2.6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

2.6.1 Tác động lên môi trường:

Các hoạt động của Công ty không trực tiếp và gián tiếp phát thải khí nhà kính (GHG) ra môi trường.

2.6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

2.6.3 Tiêu thụ năng lượng

2.6.4 Tiêu thụ nước

Các mục từ 2.6.1 đến mục 2.6.4 được trình bày chung dưới đây:

- Công ty hoạt động trong lĩnh vực tài chính nên không có các thông số về nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng. Về tiêu thụ nước, mức tiêu thụ nước của Công ty cho toàn bộ hoạt động trong năm khoảng hơn 713 m³.
- Ngoài ra, Công ty áp dụng các biện pháp nhằm sử dụng nước và điện một cách hiệu quả nhất như sử dụng bóng đèn tiết kiệm năng lượng, tắt đèn và các thiết bị điện ở khu vực không sử dụng, tận dụng ánh sáng tự nhiên, hệ thống điều khiển tự động tắt điện (nếu có) ở khu vực không có người.

2.6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2024, Công ty không bị xử phạt liên quan đến vấn đề môi trường.

2.6.6 Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2024: 348 nhân viên.
- Mức lương trung bình: 18.1 triệu đồng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Ngoài tiền lương cố định căn cứ vào vị trí công việc, trình độ, kinh nghiệm và thâm niên của người lao động, người lao động còn nhận được hoa hồng và thưởng căn cứ theo kết quả kinh doanh. Thêm vào đó, tùy theo tính chất công việc và địa bàn công tác, Công ty có các chính sách phụ cấp khác (phụ cấp điện thoại, phụ cấp đi lại, phụ cấp xăng xe...). Công ty cũng hỗ trợ phụ cấp cơm trưa và trợ cấp trang phục hàng năm cho người lao động.
- Công ty còn chi thêm thưởng tháng 13 và thưởng kết quả hoàn thành công việc cả năm để khen thưởng và khuyến khích tạo động lực cho nhân viên làm việc tốt hơn trong năm sau.
- Ngoài việc tham gia bảo hiểm xã hội - y tế - thất nghiệp, đóng kinh phí công đoàn, trích quỹ trợ cấp mất việc làm cho người lao động theo quy định của pháp luật hiện hành một cách đầy đủ, Công ty cũng mua thêm bảo hiểm sức khỏe & tai nạn cho người lao động.
- Ngoài ra còn có các phúc lợi khác cho nhân viên khi kết hôn, ốm đau nhập viện, thai sản, tang chế, sinh nhật...
- Công ty thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho nhân viên nhằm kiểm tra sức khỏe và phát hiện những bất thường về sức khỏe để nhân viên phòng ngừa và chữa trị kịp thời.
- Bên cạnh đó Công ty tổ chức các câu lạc bộ như: Bóng đá, Tennis, Chạy bộ để nâng cao sức khỏe cho nhân viên.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Trong năm 2024, dù lĩnh vực chứng khoán có rất nhiều biến động nhưng Công ty rất nỗ lực trong các hoạt động duy trì và phát triển nguồn nhân lực, trong đó có hoạt động đào tạo phát triển chuyên môn nhân viên:

- Đào tạo chuyên môn: các khóa học liên quan đến kiến thức về tài chính, chứng khoán, phân tích kỹ thuật, trái phiếu,...
- Đào tạo kỹ năng mềm: Các khóa đào tạo dành cho nhân viên và cấp Quản lý để tất cả các bên làm việc với nhau hiệu quả hơn.

Tổng số giờ đào tạo trung bình/nhân viên trong năm 2024 là 17 giờ/người.

2.6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Cán bộ nhân viên tại Công ty đã tham gia ngày hội hiến máu tình nguyện 2 lần vào ngày 19/04/2024 và ngày 17/10/2024 do Công ty Keppel Land phối hợp Ủy ban Nhân dân phường Bến Nghé tổ chức.

Tháng 9/2024, cán bộ nhân viên Công ty đã tham gia đóng góp, ủng hộ cho đồng bào bị thiệt hại bởi cơn bão số 3 (siêu bão Yagi), đơn vị thụ hưởng là Ban vận động cứu trợ Trung ương. Tổng số tiền Công ty đã ủng hộ là hơn 360 triệu đồng, trong đó:

- Công ty ủng hộ 200 triệu đồng.
- Công đoàn cơ sở của Công ty ủng hộ 30 triệu đồng.
- CBNV Yuanta Việt Nam ủng hộ hơn 130 triệu đồng.

2.6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

3.1 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Trong năm 2024, thị trường chứng khoán tăng trưởng tích cực so với năm 2023. Theo đó, lợi nhuận ròng sau thuế của Công ty tăng nhẹ 1% so với năm trước, trong đó:

- Doanh thu phí môi giới tăng 2% so với năm 2023, tương ứng với mức tăng khối lượng giao dịch thực hiện thông qua Công ty;
- Doanh thu từ giao dịch cho vay ký quỹ tăng 38% do nhu cầu vay ký quỹ của nhà đầu tư tăng theo sự hồi phục tích cực của thanh khoản trên thị trường chứng khoán;
- Chi phí lãi vay tăng 39% do Công ty tăng đi vay để tài trợ cho mục đích cho vay ký quỹ của nhà đầu tư;
- Chi phí môi giới chứng khoán tăng 7% theo xu hướng tăng của doanh thu môi giới;
- Chi phí quản lý tăng 8% so với năm 2023 chủ yếu từ chi phí quảng cáo, quảng bá thương hiệu, chi phí sửa chữa, bảo trì và nâng cấp phần mềm.

3.2 Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Trong năm 2024, hoạt động giao dịch ký quỹ được đẩy mạnh dẫn tới tổng tài sản tăng từ 4.629 tỷ đồng lên 5.389 tỷ đồng.

b) Tình hình nợ phải trả

- Nợ phải trả tăng 39% so với năm 2023 xuất phát từ khoản phải trả ngắn hạn cho các khoản vay ngắn hạn tăng lên.
- Công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả không có khả năng thanh toán, hệ số thanh khoản cao, Công ty quản lý tốt các khoản nợ phải trả.

3.3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đang trong quá trình sửa đổi và tiếp tục hoàn thiện các chính sách, quản lý, và cơ cấu tổ chức với việc bổ sung thêm một số phòng ban chức năng và một số chức danh để đảm bảo thực hiện đúng chiến lược và kế hoạch kinh doanh mới được đề ra bởi các chủ sở hữu của Công ty.

3.4 Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong năm 2024, Công ty sẽ nghiên cứu triển khai dịch vụ chứng quyền có bảo đảm và mở rộng mạng lưới kinh doanh thêm tại một số tỉnh, thành phố lớn của cả nước và tăng cường phát triển các sản phẩm hỗ trợ nhà đầu tư nhằm mục đích đầu tư và tích lũy, gia tăng tài sản, tăng hiệu quả đầu tư.

Đồng thời, Công ty đầu tư nâng cấp hệ thống phần mềm phục vụ giao dịch và thanh toán chứng khoán cơ sở, tăng cường các tính năng vận hành tự động của hệ thống cũng như tính bảo mật của hệ thống công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như chất lượng dịch vụ giao dịch trực tuyến trên nền tảng di động và tiếp tục phát triển các tiện ích giao dịch số (digital), chuẩn bị năng lực cho quá trình nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam.

3.5 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính của Công ty đã được phát hành với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

3.6 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

3.6.1 Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty đã áp dụng và thực hiện tốt các quy định để giảm thiểu việc tiêu tốn năng lượng, văn phòng phẩm, nước uống tại văn phòng nhằm bảo vệ môi trường.

3.6.2 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Trong năm 2024, Công ty đã nỗ lực trong các hoạt động duy trì và phát triển nguồn nhân lực của Công ty, có thể kể đến như tổ chức đào tạo cho người lao động để người lao động nâng cao, phát triển chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng mềm cùng các kỹ năng khác.

3.6.3 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã nỗ lực hỗ trợ cộng đồng trong năm 2024 vừa qua, bằng các hành động cụ thể như tham gia hiến máu tình nguyện, đóng góp, ủng hộ cho đồng bào bị thiệt hại bởi cơn bão số 3 (siêu bão Yagi).

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

4.1 Đánh giá của Hội đồng Thành viên về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng đã trải qua không ít khó khăn và thách thức trong bối cảnh kinh tế thế giới dần hồi phục, thương mại toàn cầu vẫn bấp bênh, đối mặt với nhiều rủi ro, bất định, cụ thể:

- Nền kinh tế Việt Nam vẫn đạt được nhiều kết quả tích cực như kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng được thúc đẩy. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2024 ước đạt khoảng 7,09% so với năm 2023; quy mô nền kinh tế đạt khoảng 476,3 tỷ đô la Mỹ (USD), đứng thứ 33 thế giới;...

- Không ngoài xu thế trên, trong năm 2024, nhìn chung thị trường chứng khoán Việt Nam đã duy trì đà tăng trưởng ổn định với sự gia tăng về chỉ số, thanh khoản và quy mô vốn hóa dù chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các biến động kinh tế toàn cầu, áp lực lạm phát.
- Bất chấp các khó khăn nêu trên, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn đạt được những điểm ấn tượng trong năm 2024 như sau:
 - + Số lượng tài khoản của các nhà đầu tư mới (F0) tiếp tục tăng mạnh: Cụ thể, theo số liệu của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, tính đến ngày 31/12/2024, số lượng tài khoản nhà đầu tư tại Việt Nam vượt 9,2 triệu tài khoản, tương đương 9,3% dân số.
 - + Thông tư 68/2024/TT-BTC được ban hành đã góp phần gỡ nút thắt quan trọng, giúp chứng khoán Việt Nam tiến gần đến mục tiêu nâng hạng.
 - + Luật Chứng khoán được sửa đổi theo hướng nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong hoạt động phát hành, chào bán chứng khoán.
 - + Thị trường trái phiếu doanh nghiệp ghi nhận sự phục hồi tích cực cả về số lượng và chất lượng trong năm 2024.

Với những diễn biến của nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng nêu trên, hoạt động của Công ty trong năm 2024 đã có sự ảnh hưởng nhất định nhưng cũng có những điểm sáng. Các tổ chức đoàn thể và hoạt động của Công ty được thực hiện tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành.

Công ty đã nỗ lực hỗ trợ cộng đồng thông qua các chương trình thiện nguyện như các đợt vận động hiến máu tình nguyện, ủng hộ đồng bào các vùng bị thiên tai. Bên cạnh đó, nhiều chương trình nội bộ đã được tổ chức để gắn kết nhân viên, tạo sự đoàn kết như tổ chức minigame nhân dịp sinh nhật Công ty, phát động ngày hội áo dài, tổ chức các cuộc thi như "Khoảnh khắc giữa ba và bé", "Kết tinh đoàn viên",... Các câu lạc bộ bóng đá, tennis, chạy bộ được thành lập và duy trì hoạt động nhằm mục tiêu rèn luyện sức khỏe và kết nối cán bộ nhân viên với nhau.

4.2 Đánh giá của Hội đồng thành viên về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Trong diễn biến phức tạp của thị trường chứng khoán, Ban Tổng Giám đốc đã xử lý tốt các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày cũng như kịp thời báo cáo cho Hội đồng thành viên những vấn đề quan trọng phát sinh để kịp thời xử lý.

4.3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng thành viên

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán cơ sở cũng như chứng khoán phái sinh. Cùng với sự hỗ trợ và hướng dẫn của hai thành viên góp vốn là nhà đầu tư nước ngoài, mọi hoạt động, quy trình của Công ty đều được xem xét và điều chỉnh nhằm hoàn thiện cơ cấu tổ

chức, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ hoạt động, chú trọng công tác tuân thủ và mở rộng quy mô phù hợp với sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

5.1 Hội đồng thành viên

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu phần vốn góp (%)
1	Chao, Jen-Kai	Chủ tịch Hội đồng Thành viên	-
2	Yuanta Securities Asia Financial Services Private Limited	Thành viên Hội đồng Thành viên	94,1
3	Yuanta Securities (Hong Kong) Company Limited	Thành viên Hội đồng Thành viên	5,9

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng thành viên:

Ngoài Thư ký Công ty là Bà Huỳnh Ngọc Duyên, Hội đồng thành viên hiện có 03 tiểu ban bao gồm: Hội đồng quản lý rủi ro, Hội đồng thị trường vốn, Phòng Kiểm toán nội bộ, cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
<i>Hội đồng quản lý rủi ro</i>		
1	Huỳnh Thị Hoàng Anh	Chủ tịch
2	Nguyễn Thế Minh	Thành viên
3	Trương Quang Bình	Thành viên
4	Ong Cheow Kheng	Thành viên
5	Tay Ai Khim	Thành viên
6	Chao, Jen-Kai	Thành viên
<i>Hội đồng thị trường vốn</i>		
1	Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch
2	Chao, Jen-Kai	Thành viên
3	Hwang Wei Cherng	Thành viên
4	Tan Pei San	Thành viên
5	Kuo, Ming-Cheng	Thành viên
<i>Phòng Kiểm toán nội bộ</i>		

1	Đinh Hồng Đức	Trưởng phòng
2	Trần Công Quyền	Chuyên viên

c) Hoạt động của Hội đồng thành viên:

- HĐQT chỉ đạo và theo sát hoạt động hàng ngày của Ban Tổng Giám đốc.
- Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán, báo cáo tài chính các quý và báo cáo tài chính bán niên soát xét trong năm 2024, báo cáo tình hình quản trị và báo cáo thường niên năm 2023.
- Đơn đốc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024 đã được HĐQT thông qua và có những điều chỉnh kịp thời để phù hợp với việc tái cơ cấu hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình diễn biến của thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Năm 2024, HĐQT đã có 15 cuộc họp (họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến, bao gồm cả các Nghị quyết của HĐQT được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) cùng với sự tham gia đầy đủ của các thành viên để giải quyết các vấn đề của Công ty và thông qua các vấn đề cụ thể sau:

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01-2024/QĐ-HĐTV-YSVN	17/01/2024	- Thông qua Ngân sách hoạt động dự kiến cho năm 2024 của Công ty; - Thông qua việc chi trả thưởng hiệu suất năm 2023 cho toàn bộ nhân viên của Công ty; - Thông qua Ngân sách chi trả thù lao cho Thành viên Ban kiểm soát của Công ty năm 2024; - Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của “Quy định về giao dịch với Người có liên quan”, “Hướng dẫn về việc ủy quyền hàng loạt đối với các giao dịch phi tín dụng với Người có liên quan như định nghĩa tại Điều 45 Luật Công ty tài chính của Đài Loan (R.O.C)” và “Quy định về giao dịch với Người có thẩm quyền ban hành quy trình, quy định” của Công ty; - Thông qua Tuyên bố về việc thực hiện công tác Phòng chống rửa tiền và Tài trợ khủng bố của Công ty trong năm 2023;

			- Thông qua Tuyên bố về hệ thống Kiểm soát nội bộ của Công ty trong năm 2023; - Thông qua kế hoạch Kiểm toán nội bộ của Công ty năm 2024.
2	02-2024/QĐ-HĐTV-YSVN	19/02/2024	- Thông qua việc thành lập Phòng Kế hoạch Doanh nghiệp và cập nhật Cơ cấu tổ chức các khối, phòng/ban, bộ phận của Công ty, có hiệu lực từ ngày 01/03/2024; - Thông qua hạn mức rủi ro hàng năm cho năm 2024 của Công ty.
3	03-2024/QĐ-HĐTV-YSVN	20/03/2024	- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam của Công ty. - Thông qua việc không phân chia lợi nhuận của Công ty năm 2023. - Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PwC (Việt Nam) làm đơn vị kiểm toán cho Công ty và mức phí kiểm toán cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam) năm 2024. - Thông qua khoản vay với Ngân hàng Cathay United Bank Co., Ltd và các vấn đề liên quan. - Thông qua việc nâng cấp thiết bị công nghệ thông tin của Trung tâm Dữ liệu của Công ty năm 2024.
4	04-2024/QĐ-HĐTV-YSVN	22/04/2024	- Thông qua khoản tín dụng hạn mức tuần hoàn 30 triệu Đô la Mỹ từ Yuanta Securities Asia Financial Services Private Limited (giao dịch với người có liên quan của YSVN) cho Công ty. - Thông qua khoản vay trị giá 20 triệu đô la Mỹ từ Ngân hàng Taishin International Bank Co., Ltd – Chi nhánh Singapore và các vấn đề liên quan. - Thông qua việc sửa đổi các điều khoản của khoản vay tại Ngân hàng Bangkok Bank PCL, Chi nhánh TP.HCM của Công ty. - Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi



			nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa của Công ty và các vấn đề liên quan. - Thông qua hạn mức thấu chi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Bình Phú và các vấn đề liên quan.
5	05-2024/QĐ-HĐTV-YSVN	20/05/2024	- Thông qua việc bầu ông Chao, Jen-Kai làm Chủ tịch Hội đồng thành viên cho nhiệm kỳ 2024 - 2029 của Công ty, có hiệu lực từ ngày 19/07/2024. - Thông qua hợp đồng thuê văn phòng cho Chi nhánh Bình Dương của Công ty. - Thông qua khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Vạn Hạnh của Công ty. - Thông qua việc miễn nhiệm Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng đối với ông Võ Đình Tuấn và thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Tùng - Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng của Công ty. - Thông qua Hạn mức giao dịch ký quỹ cho Khách hàng Doanh nghiệp của Công ty.
6	06-2024/QĐ-HĐTV-YSVN	21/06/2024	- Thông qua khoản vay tại Ngân hàng Sinopac Company Limited, khoản vay và hạn mức giao dịch TMU để phòng ngừa rủi ro ngoại hối tại Ngân hàng Sinopac – Chi nhánh TP.HCM và các vấn đề liên quan. - Thông qua khoản vay tại First Commercial Bank, Offshore Banking Branch và các vấn đề liên quan. - Thông qua khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam và các vấn đề liên quan. - Thông qua việc thành lập 01 khối mới, 01 phòng mới, tái cơ cấu một số phòng ban và cập nhật Cơ cấu tổ chức các khối, phòng/ban, bộ phận của Công ty.

			- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hoạt động của Hội đồng Quản lý rủi ro. - Thông qua việc sửa đổi Chính sách hoạt động kinh doanh giao dịch ký quỹ tại Công ty.
7	07-2024/QĐ-HĐTV-YSVN	01/07/2024	- Thông qua việc thay đổi địa điểm Chi nhánh Hà Nội. - Thông qua việc thay đổi địa điểm Phòng giao dịch Láng Hạ. - Thông qua việc bổ sung nghiệp vụ Tư vấn đầu tư chứng khoán cho Chi nhánh Hà Nội của Công ty.
8	08-2024/QĐ-HĐTV-YSVN	18/07/2024	- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ của Công ty. - Thông qua việc bổ nhiệm Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2024 – 2029 (có hiệu lực từ ngày 19/07/2024 đến ngày 18/07/2029) của Công ty đối với ông Ong Cheow Kheng, ông Trần Hoàng Bảo và bà Văn Thị Kiều Trinh. - Thông qua việc điều chỉnh Ngân sách chi trả thù lao cho Kiểm soát viên của Công ty năm 2024. - Thông qua việc bổ nhiệm ông Trần Công Quyền là Chuyên viên thuộc Phòng Kiểm toán nội bộ của Công ty, có hiệu lực từ ngày 19/07/2024. - Thông qua khoản vay trị giá 20 triệu đô la Mỹ tại Ngân hàng KGI Bank Company Limited và Thư hỗ trợ vay vốn từ Yuanta Securities Company Limited (Người có liên quan của Công ty) để hỗ trợ khoản vay này của Công ty. - Thông qua khoản vay tại Oversea-Chinese Banking Corporation Limited và Thư hỗ trợ vay vốn từ Yuanta Securities Company Limited (Người có liên quan của Công ty) để hỗ trợ khoản vay này của Công ty. - Thông qua chi phí sử dụng Dịch vụ tư vấn ISO 27001 (ISMS) – P&P của Công ty và các vấn đề liên quan khác. - Thông qua chi phí gia hạn Hợp đồng dịch vụ bảo

			trì hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh của Công ty năm 2025 và các vấn đề liên quan khác. - Thông qua chi phí cải tạo văn phòng tại Hội sở của Công ty và các vấn đề liên quan khác.
9	09-2024/QĐ-HĐTV-YSVN	12/08/2024	- Thông qua Chi phí thuê phòng máy chủ cho Trung tâm Dữ liệu của Công ty năm 2024 và 2025 và các vấn đề liên quan khác.
10	10-2024/QĐ-HĐTV-YSVN	19/08/2024	- Thông qua Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho kỳ 6 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2024 và Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2024 của Công ty. - Thông qua ngân sách hoạt động điều chỉnh cho năm 2024 của Công ty. - Thông qua khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong của Công ty và các vấn đề liên quan khác. - Thông qua khoản vay tại Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Thư hỗ trợ vay vốn từ Yuanta Securities Company Limited (Người có liên quan của Công ty) để hỗ trợ khoản vay này của Công ty.
11	11-2024/QĐ-HĐTV-YSVN	23/09/2024	- Thông qua vay tại Ngân hàng United Overseas Bank (Vietnam) Limited của Công ty. - Thông qua khoản vay tại Taipei Fubon Commercial Bank Company Limited; khoản vay bằng đồng Việt Nam và hạn mức rủi ro trước thanh toán để phòng ngừa rủi ro cho sản phẩm chứng khoán phái sinh tại Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và các vấn đề liên quan khác. - Thông qua khoản vay tại Ngân hàng CTBC Bank Company Limited – Chi nhánh OBU, hạn mức rủi ro trước thanh toán để phòng ngừa rủi ro cho sản phẩm chứng khoán phái sinh tại Ngân hàng CTBC Bank Company Limited – Chi nhánh TP.HCM và Thư hỗ trợ vay vốn từ Yuanta Securities Company Limited (người có

			liên quan của Công ty) để hỗ trợ các khoản vay này của Công ty.
12	12-2024/QĐ-HĐTV-YSVN	18/10/2024	- Thông qua khoản vay trị giá 30 triệu đô la Mỹ tại Ngân hàng Chang Hwa Commercial Bank Limited – Chi nhánh Singapore và Thư hỗ trợ vay vốn từ Yuanta Securities Company Limited (Người có liên quan của Công ty) để hỗ trợ khoản vay này của Công ty.
13	13-2024/QĐ-HĐTV-YSVN	18/10/2024	- Thông qua việc bổ nhiệm Ông Kuo, Ming-Cheng làm thành viên Hội đồng Thị trường vốn của Công ty.
14	14-2024/QĐ-HĐTV-YSVN	18/10/2024	- Thông qua chỉ phí gia hạn giấy phép phần mềm dịch vụ MDR cho Công ty năm 2024.
15	15-2024/QĐ-HĐTV-YSVN	18/10/2024	- Thông qua việc thành lập Phòng Sản phẩm Số của Công ty. - Thông qua việc cập nhật Cơ cấu tổ chức các khối, phòng/ban, bộ phận của Công ty.
16	16-2024/QĐ-HĐTV-YSVN	18/10/2024	- Thông qua việc đề nghị Ủy ban Chứng khoán dùng xem xét 02 bộ hồ sơ điều chỉnh giấy phép Chi nhánh Hà Nội và Phòng Giao dịch Láng Hạ của Công ty.
17	17-2024/QĐ-HĐTV-YSVN	18/10/2024	- Thông qua việc đóng cửa Phòng Giao dịch Láng Hạ của Công ty.
18	18-2024/QĐ-HĐTV-YSVN	08/11/2024	- Thông qua việc sửa đổi Chính sách hoạt động kinh doanh giao dịch ký quỹ tại Công ty và đổi tên thành “Chính sách quản lý hạn mức tín dụng và giao dịch ký quỹ”.
19	19-2024/QĐ-HĐTV-YSVN	08/11/2024	- Thông qua việc giao cho Chủ tịch Hội đồng Thành viên đại diện Công ty quyết định và thực hiện các công việc cần thiết liên quan đến thủ tục đóng cửa Phòng Giao dịch Láng Hạ, bao gồm nhưng không giới hạn việc quyết định phương án xử lý các hợp đồng đã ký với khách hàng để báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”), ký kết các hồ sơ, tài liệu cần thiết nộp UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan nhằm hoàn thành việc đóng cửa Phòng Giao dịch Láng Hạ phù hợp với

			quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
20	20-2024/QĐ-HĐTV-YSVN	25/11/2024	- Thông qua chi phí gia hạn dịch vụ bảo hành và bảo trì Trung tâm Dữ liệu của Công ty năm 2025 và các vấn đề liên quan khác. - Thông qua khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu của Công ty và các vấn đề liên quan khác. - Thông qua khoản vay tại Ngân hàng Far Eastern International Bank Company Limited và Thư hỗ trợ vay vốn từ Yuanta Securities Company Limited (người có liên quan của Công ty) để hỗ trợ khoản vay này của Công ty. - Thông qua khoản vay tại Ngân hàng E.SUN Commercial Bank, Ltd. – Chi nhánh Singapore và Thư hỗ trợ vay vốn từ Yuanta Securities Company Limited (người có liên quan của Công ty) để hỗ trợ khoản vay này của Công ty. - Thông qua việc điều chỉnh Quyết định số 11-2024/QĐ-HĐTV-YSVN ngày 23/09/2024. - Thông qua chi phí gia hạn Hợp đồng dịch vụ bảo trì hệ thống Innotech của Công ty năm 2025 và các vấn đề liên quan khác. - Thông qua chi phí gia hạn Hợp đồng dịch vụ bảo trì Hệ thống phần mềm lõi giao dịch chứng khoán của Công ty năm 2025 và các vấn đề liên quan khác.
21	21-2024/QĐ-HĐTV-YSVN	20/12/2024	- Thông qua hạn mức vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và các vấn đề liên quan khác. - Thông qua giao dịch với người có liên quan giữa Công ty và Yuanta Financial Holding liên quan đến chi phí nâng cấp SAP ERP của Công ty. - Thông qua Hạn mức tín dụng cho Khách hàng Tổ chức Nước ngoài của Công ty. - Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ của Công ty năm 2025.

d) Hoạt động thành viên HĐQT độc lập: Không có.

Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:

- Hội đồng thị trường vốn: Trong năm 2024, Hội đồng thị trường vốn đã tiến hành 01 cuộc họp để thảo luận và hướng dẫn, phê duyệt một số hoạt động cho Phòng Ngân hàng Đầu tư.
- Hội đồng quản lý rủi ro: Trong năm 2024, Hội đồng quản lý rủi ro họp định kỳ hàng quý và họp bất thường khi phát sinh các vấn đề có liên quan để đánh giá các rủi ro trong hoạt động của Công ty.
- Phòng kiểm toán nội bộ: Trong năm 2024, Phòng kiểm toán nội bộ đã tiến hành 06 cuộc kiểm toán nội bộ tại các phòng ban theo kế hoạch đã thông báo cho HĐQT.

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Bên cạnh Thư ký Công ty (bà Huỳnh Ngọc Duyên) đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty; trong năm 2024, đại diện theo ủy quyền của các thành viên Hội đồng thành viên đã tự chủ động tìm hiểu, nghiên cứu các tài liệu liên quan đến quản trị công ty áp dụng cho công ty chứng khoán.

5.2 Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của BKS:

STT	Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Tỷ lệ sở hữu CP Công ty (%)
1	Ong Cheow Kheng	Trưởng Ban Kiểm soát	Tái bổ nhiệm 19/07/2024	0
2	Trần Công Quyền	Thành viên Ban Kiểm soát	17/07/2023 <i>Miễn nhiệm từ</i> 19/07/2024	0
3	Trần Hoàng Bảo	Thành viên Ban Kiểm soát	19/07/2024	0
4	Văn Thị Kiều Trinh	Thành viên Ban Kiểm soát	19/07/2024	0

b) Hoạt động của BKS:

- Trong nhiệm kỳ này, Ban Kiểm soát đã kịp thời nắm bắt các hoạt động của Công ty cũng như tương tác hiệu quả để thực hiện vai trò kiểm soát của mình.
- Ban Kiểm soát đã tổ chức họp đủ 05 lần trong năm 2024, đáp ứng đủ quy định về số lần tổ chức họp Ban Kiểm soát tại Điều lệ Công ty.

- Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm soát thường xuyên hoạt động của Công ty cũng như kiểm tra, giám sát tuân thủ quy định của pháp luật, việc triển khai và thực hiện các quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2024.
- Giám sát việc công bố thông tin và nộp báo cáo của Công ty theo quy định pháp luật hiện hành.
- Thẩm tra việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính các quý, nửa năm và năm 2024 của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, phòng chống rửa tiền và các hoạt động khác của Công ty.
- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã nhiệt tình cung cấp thông tin theo yêu cầu và tạo mọi điều kiện để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

5.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Tổng thù lao chi trả trong năm cho thành viên HĐQT: 0 đồng.
Các thành viên HĐQT bao gồm cả các đại diện theo ủy quyền của thành viên HĐQT nhận lương, thưởng, thù lao từ công ty mẹ.
- Tổng thù lao chi trả trong năm cho Ban kiểm soát: 230.866.609 đồng.
- Ban Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác tại Công ty hưởng lương theo chính sách của người lao động Công ty.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

- Thành viên YSAF phát hành thư bảo lãnh cho khoản vay của YSVN tại Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) và Ngân hàng BANGKOK Đại chúng TNHH – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
- YSVN ký hợp đồng hạn mức vay với tổng hạn mức 30 triệu USD từ thành viên YSAF.
- YSVN ký hợp đồng phát triển và bảo trì phần mềm với Yuanta Financial Holding Co., Ltd.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Trong năm 2024, mặc dù Ủy ban Chứng khoán không tổ chức các khóa học tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng Tổng Giám đốc – ông Nguyễn Thanh Tùng và Thư ký Công ty – bà Huỳnh Ngọc Duyên vẫn nhiệt tình tham gia khóa học đào tạo về quản trị công ty và nhận chứng chỉ đào tạo có liên quan.

Cơ cấu tổ chức Công ty được thường xuyên điều chỉnh để phù hợp với mô hình hoạt động kinh doanh chứng khoán cũng như tuân thủ quy định pháp luật hiện hành. Mặt

khác, Công ty cũng thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật về sự thay đổi của Luật doanh nghiệp, chứng khoán, trong đó có nội dung về quản trị công ty để cấp quản lý nắm bắt, cân nhắc áp dụng vào thực tiễn Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6.1 Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của kiểm toán viên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

6.2 Báo cáo tài chính được kiểm toán

Theo file đính kèm.

Nơi nhận:

- UBCK, SGDCKVN, SGDCKHCM, SGDCKHN;
- Lưu: Phòng Pháp chế và Tuân thủ.

XÁC NHẬN CỦA
TUQ. ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THANH TÙNG



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

10/12/2024

M.S.S

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01 – CTCK)	6
Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B02 – CTCK)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03b – CTCK)	11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B04 – CTCK)	14
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 – CTCK)	15

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 3700334885 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 6) ngày 3 tháng 7 năm 2023.																					
Giấy phép thành lập và hoạt động	Số 127/GP-UBCK ngày 14 tháng 6 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 51/GPĐC-UBCK được cấp ngày 22 tháng 6 năm 2023.																					
Hội đồng Thành viên ("HĐTV")	Yuanta Securities Asia Financial Services Private Limited, gồm các đại diện theo ủy quyền như sau: <table><tr><td>Ông Chao Jen Kai</td><td>Chủ tịch HĐTV</td></tr><tr><td>Ông Hwang Wei Cherng</td><td>Thành viên</td></tr><tr><td>Ông Ooi Thean Yat Ronald Anthony</td><td>Thành viên</td></tr><tr><td>Bà Chien Wei Ching</td><td>Thành viên</td></tr><tr><td>Ông Nguyễn Thanh Tùng</td><td>Thành viên</td></tr><tr><td>Bà Lai I Wen</td><td>Thành viên (từ ngày 15 tháng 5 năm 2024)</td></tr><tr><td>Ông Kuo Feng Hsiang</td><td>Thành viên (đến ngày 14 tháng 5 năm 2024)</td></tr></table> Yuanta Securities (Hong Kong) Company Limited, gồm các đại diện theo ủy quyền như sau: <table><tr><td>Ông Wang Yi Min</td><td>Thành viên</td></tr><tr><td>Ông Tan Pei San</td><td>Thành viên</td></tr><tr><td>Ông Kuo, Ming-Cheng</td><td>Thành viên (từ ngày 19 tháng 9 năm 2024)</td></tr></table>		Ông Chao Jen Kai	Chủ tịch HĐTV	Ông Hwang Wei Cherng	Thành viên	Ông Ooi Thean Yat Ronald Anthony	Thành viên	Bà Chien Wei Ching	Thành viên	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Bà Lai I Wen	Thành viên (từ ngày 15 tháng 5 năm 2024)	Ông Kuo Feng Hsiang	Thành viên (đến ngày 14 tháng 5 năm 2024)	Ông Wang Yi Min	Thành viên	Ông Tan Pei San	Thành viên	Ông Kuo, Ming-Cheng	Thành viên (từ ngày 19 tháng 9 năm 2024)
Ông Chao Jen Kai	Chủ tịch HĐTV																					
Ông Hwang Wei Cherng	Thành viên																					
Ông Ooi Thean Yat Ronald Anthony	Thành viên																					
Bà Chien Wei Ching	Thành viên																					
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên																					
Bà Lai I Wen	Thành viên (từ ngày 15 tháng 5 năm 2024)																					
Ông Kuo Feng Hsiang	Thành viên (đến ngày 14 tháng 5 năm 2024)																					
Ông Wang Yi Min	Thành viên																					
Ông Tan Pei San	Thành viên																					
Ông Kuo, Ming-Cheng	Thành viên (từ ngày 19 tháng 9 năm 2024)																					
Ban Kiểm soát	<table><tr><td>Ông Ong Cheow Kheng</td><td>Trưởng ban</td></tr><tr><td>Ông Trần Hoàng Bảo</td><td>Thành viên (từ ngày 19 tháng 7 năm 2024)</td></tr><tr><td>Bà Văn Thị Kiều Trinh</td><td>Thành viên (từ ngày 19 tháng 7 năm 2024)</td></tr><tr><td>Ông Trần Công Quyền</td><td>Thành viên (đến ngày 18 tháng 7 năm 2024)</td></tr></table>		Ông Ong Cheow Kheng	Trưởng ban	Ông Trần Hoàng Bảo	Thành viên (từ ngày 19 tháng 7 năm 2024)	Bà Văn Thị Kiều Trinh	Thành viên (từ ngày 19 tháng 7 năm 2024)	Ông Trần Công Quyền	Thành viên (đến ngày 18 tháng 7 năm 2024)												
Ông Ong Cheow Kheng	Trưởng ban																					
Ông Trần Hoàng Bảo	Thành viên (từ ngày 19 tháng 7 năm 2024)																					
Bà Văn Thị Kiều Trinh	Thành viên (từ ngày 19 tháng 7 năm 2024)																					
Ông Trần Công Quyền	Thành viên (đến ngày 18 tháng 7 năm 2024)																					
Ban Tổng Giám đốc	<table><tr><td>Ông Nguyễn Thanh Tùng</td><td>Tổng Giám đốc</td></tr><tr><td>Bà Lê Thị Quyền</td><td>Phó Tổng Giám đốc</td></tr></table>		Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Bà Lê Thị Quyền	Phó Tổng Giám đốc																
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc																					
Bà Lê Thị Quyền	Phó Tổng Giám đốc																					
Người đại diện theo pháp luật	Ông Chao Jen Kai	Chủ tịch HĐTV																				

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Trụ sở chính	Tầng 4, Tòa nhà Saigon Centre, 65 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Chợ Lớn	521 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Hà Nội	Tầng G và tầng 2A, Tòa nhà CONINCO BUILDING, Số 4 phố Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Bình Dương	455 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Chi nhánh Đồng Nai	Tầng trệt, Tháp B, Tòa nhà The Pegasus, 53 – 55 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng	Tầng 1, 150 – 156 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Vũng Tàu	Tầng 3, Tòa nhà Hodeco, 36 Nguyễn Thái Học, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
Phòng giao dịch Láng Hạ (đóng cửa từ ngày 24 tháng 10 năm 2024)	Phòng 202, Tầng 2, Tòa nhà Ford Thăng Long, 105 phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Chứng khoán Yunta Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Tổng Giám đốc của Công ty để phê duyệt và ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy ủy quyền số 008/2025/GUQ-YSVN ngày 14 tháng 2 năm 2025.

Phê chuẩn báo cáo tài chính

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 68. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



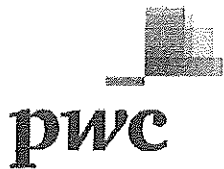
Nguyễn Thanh Tùng

Tổng Giám đốc/

Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2025



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Chứng khoán Yunta Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024, và được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 12 tháng 3 năm 2025. Báo cáo tài chính này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 68.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

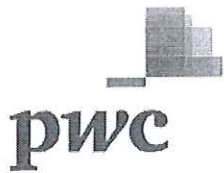
Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

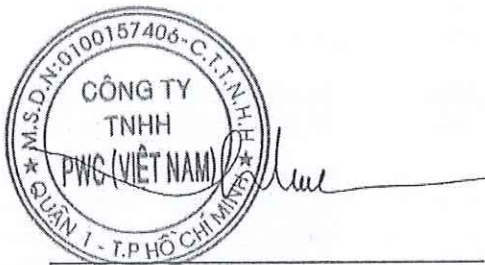
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

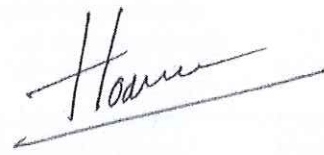
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Trần Thị Thanh Trúc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3047-2024-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM16231
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2025


Đào Trọng Hoàng
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5620-2021-006-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
	TÀI SẢN			
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.327.808.198.165	4.564.611.509.954
110	Tài sản tài chính		5.319.059.123.495	4.556.967.144.163
111	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.1	217.769.638.076	653.076.061.644
111.1	Tiền		217.769.638.076	403.076.061.644
111.2	Các khoản tương đương tiền		-	250.000.000.000
112	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	3.2(a)	-	-
113	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	3.2(b)	827.000.000.000	788.000.000.000
114	Các khoản cho vay	3.2(c)	4.226.416.414.532	3.055.596.049.072
116	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	3.2(c)	(2.487.280.054)	(2.487.280.054)
117	Các khoản phải thu	3.3	47.897.522.795	58.239.352.228
117.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		47.897.522.795	58.239.352.228
117.3	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		32.096.262.532	27.360.450.869
117.4	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		15.801.260.263	30.878.901.359
118	Trả trước cho người bán	3.5	737.930.952	2.977.669.154
119	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	3.3	1.546.741.194	1.385.221.119
122	Các khoản phải thu khác	3.3	5.621.491.400	5.623.719.045
129	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	3.4	(5.443.335.400)	(5.443.648.045)
130	Tài sản ngắn hạn khác		8.749.074.670	7.644.365.791
131	Tạm ứng		1.676.386.401	1.517.384.529
133	Chi phí trả trước ngắn hạn	3.6(a)	7.072.688.269	6.126.981.262
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		61.600.501.102	64.467.867.428
220	Tài sản cố định		20.641.197.250	24.529.459.197
221	Tài sản cố định hữu hình	3.7(a)	15.305.168.202	15.951.341.068
222	Nguyên giá		63.045.810.110	58.198.134.293
223a	Giá trị khấu hao lũy kế		(47.740.641.908)	(42.246.793.225)
227	Tài sản cố định vô hình	3.7(b)	5.336.029.048	8.578.118.129
228	Nguyên giá		31.604.684.680	30.973.339.680
229a	Giá trị khấu hao lũy kế		(26.268.655.632)	(22.395.221.551)
240	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.7(c)	362.550.000	403.972.290
250	Tài sản dài hạn khác		40.596.753.852	39.534.435.941
251	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	3.8	5.979.866.332	6.317.615.358
252	Chi phí trả trước dài hạn	3.6(b)	4.435.384.145	3.021.292.647
253	Tài sản thuế TNDN hoãn lại	3.17	181.503.375	195.527.936
254	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	3.9	20.000.000.000	20.000.000.000
255	Tài sản dài hạn khác	3.10	10.000.000.000	10.000.000.000
270	TỔNG TÀI SẢN		5.389.408.699.267	4.629.079.377.382

Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		2.266.288.302.661	1.628.265.963.130
310	Nợ phải trả ngắn hạn		2.264.288.302.661	1.626.265.963.130
311	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn		2.177.381.000.000	1.549.254.000.000
312	Vay ngắn hạn	3.11	2.177.381.000.000	1.549.254.000.000
318	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.12	3.379.872.819	3.207.895.094
320	Phải trả người bán ngắn hạn		5.689.772.051	1.724.520.703
322	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.13	16.308.523.509	17.990.356.007
323	Phải trả người lao động	3.14	48.655.147.494	40.982.744.846
324	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		763.457.993	745.871.086
325	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.15	10.887.698.683	11.166.967.513
329	Các khoản phải trả khác ngắn hạn		37.707.920	8.485.689
331	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.185.122.192	1.185.122.192
340	Nợ phải trả dài hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
355	Quỹ bảo vệ nhà đầu tư	3.16	2.000.000.000	2.000.000.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.123.120.396.606	3.000.813.414.252
410	Vốn chủ sở hữu		3.123.120.396.606	3.000.813.414.252
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.500.924.317.200	2.500.924.317.200
411.1	Vốn góp của chủ sở hữu	3.18	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
411.4	Vốn khác của chủ sở hữu		924.317.200	924.317.200
414	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		22.616.594.760	22.616.594.760
415	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		21.712.388.413	21.712.388.413
417	Lợi nhuận chưa phân phối	3.19	577.867.096.233	455.560.113.879
417.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		578.593.109.735	456.342.225.623
417.2	Lỗ chưa thực hiện		(726.013.502)	(782.111.744)
440	TỔNG NGUỒN VỐN		5.389.408.699.267	4.629.079.377.382

Đào Thị Ngọc Thủy
Người lập

Bùi Đình Vinh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 3 năm 2025

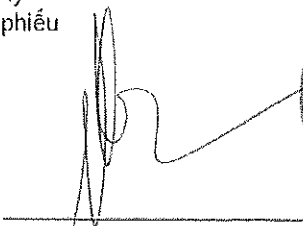
Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

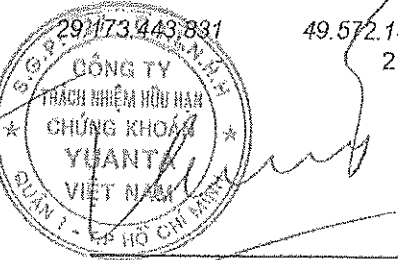
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2024	31.12.2023
A	TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
			<i>Theo mệnh giá (VND)</i>	
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của công ty chứng khoán		1.110.000	1.110.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của công ty chứng khoán		506.430.000	506.430.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của công ty chứng khoán		670.000	670.000
B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (VND)			
			<i>Theo mệnh giá (VND)</i>	
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của nhà đầu tư		18.291.975.907.491	19.837.843.713.663
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		15.994.388.860.000	17.374.021.010.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		21.172.780.000	77.939.580.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		1.942.090.660.000	1.864.396.620.000
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		56.288.480.000	203.246.240.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		114.613.760.000	126.375.800.000
021.7	Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư		163.421.367.491	191.864.463.663
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của nhà đầu tư		27.274.720.000	27.294.510.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		27.274.720.000	27.294.510.000
023	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư		296.746.420.590	462.004.899.410
026	Tiền gửi của khách hàng		638.274.944.865	953.540.761.946
027	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		474.853.577.374	761.676.298.283
027.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC		163.421.367.491	191.864.463.663
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		474.853.577.374	761.676.079.883
031.1	Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		445.680.133.543	712.103.931.982
031.2	Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		29.173.443.831	49.572.147.901
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu			218.400


Đào Thị Ngọc Thủy
Người lập


Bùi Đình Vinh
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 3 năm 2025



Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

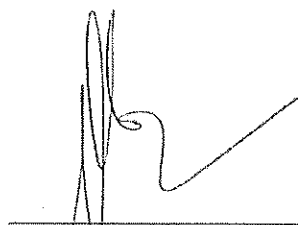
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
	DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL		2.100.000	65.015.300
01.1	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	4.1	2.090.000	25.000.000
01.2	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	4.2	-	40.000.000
01.3	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL		10.000	15.300
02	Lãi từ các khoản đầu tư HTM		39.639.749.042	110.956.068.413
03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		388.110.843.096	280.643.741.646
06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		173.354.945.425	169.919.600.786
08	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		218.122.002	217.647.840
09	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		6.442.849.218	4.852.689.285
10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		180.000.000	315.000.000
20	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG		607.948.608.783	566.969.763.270
	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		-	(40.000.000)
21.2	Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	4.2	-	(40.000.000)
24	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	4.3	(112.890.826.504)	(98.170.778.599)
26	Chi phí hoạt động tự doanh		(500.000)	-
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	4.4	(187.690.254.189)	(174.779.155.832)
30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	4.4	(11.408.317.189)	(9.281.683.778)
31	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	4.4	(3.056.674.664)	(2.986.233.652)
40	TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(315.046.572.546)	(285.257.851.861)
	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		72.349.977	11.054.449
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.5	6.421.178.743	7.979.609.110
50	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		6.493.528.720	7.990.663.559
	CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(7.419.038)	(1.523.423)
60	TỔNG CHI PHÍ TÀI CHÍNH		(7.419.038)	(1.523.423)

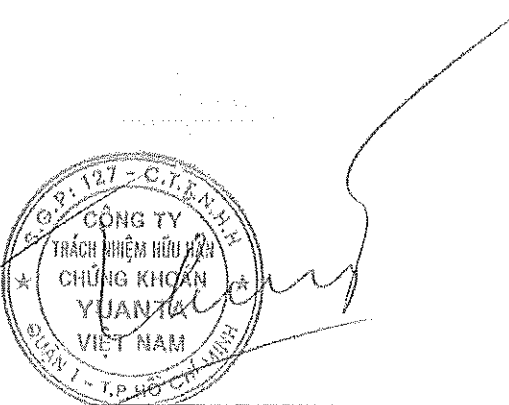
Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
62	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	4.6	(146.575.776.444)	(136.165.657.205)
70	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		<u>152.812.369.475</u>	<u>153.535.394.340</u>
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	Thu nhập khác		1.484.900.761	608.620.067
72	Chi phí khác		(1.714.816)	(445.927.157)
80	TỔNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHÁC		<u>1.483.185.945</u>	<u>162.692.910</u>
90	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		154.295.555.420	153.698.087.250
91	Lợi nhuận đã thực hiện		154.225.432.617	153.698.087.250
92	Lợi nhuận chưa thực hiện		70.122.803	-
100	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		(31.988.573.066)	(32.795.148.355)
100.1	Chi phí thuế TNDN - hiện hành	4.7	(31.974.548.505)	(32.795.148.355)
100.2	Chi phí thuế TNDN - hoãn lại	4.7	(14.024.561)	-
200	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		<u>122.306.982.354</u>	<u>120.902.938.895</u>


Đào Thị Ngọc Thủy
Người lập


Bùi Đình Vinh
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 3 năm 2025



Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

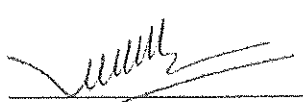
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

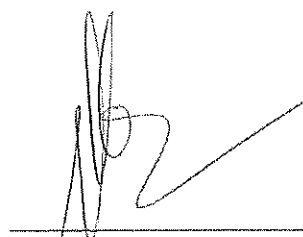
		Năm tài chính kết thúc ngày	
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	
		31.12.2024	31.12.2023
		VND	VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	154.295.555.420	153.698.087.250
02	Điều chỉnh cho các khoản:	81.286.666.117	39.840.562.528
03	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	9.515.148.852	11.782.030.991
04	Các khoản dự phòng	(312.645)	(415.862)
05	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(70.122.803)	-
06	Chi phí lãi vay	119.789.611.872	86.288.949.617
07	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(50.136.364)	9.350.010
08	Dự thu tiền lãi	(47.897.522.795)	(58.239.352.228)
10	Biến động các chi phí phi tiền tệ	-	40.000.000
11	Chênh lệch giảm về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	-	40.000.000
18	Biến động các doanh thu phi tiền tệ	-	(40.000.000)
19	Chênh lệch tăng về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	-	(40.000.000)
30	Thay đổi vốn lưu động	(1.293.356.094.564)	(1.315.771.116.781)
32	Tăng các khoản đầu tư HTM	(39.000.000.000)	(388.000.000.000)
33	Tăng các khoản cho vay	(1.170.820.365.460)	(823.027.021.578)
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	58.239.352.228	33.967.655.244
37	Tăng các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	(161.520.075)	(638.858.196)
39	Giảm các khoản phải thu khác	2.227.645	757.162
40	Giảm/(tăng) các tài sản khác	192.771.715	(2.792.758.038)
41	Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	(294.935.192)	(14.603.253.762)
42	Tăng chi phí trả trước	(2.235.576.215)	(1.216.986.195)
43	Thuế TNDN đã nộp	(33.575.297.394)	(29.943.236.728)
44	Lãi vay đã trả	(119.773.945.510)	(86.814.741.439)
45	Tăng phải trả cho người bán	6.275.112.353	321.150.603
46	Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	17.586.907	14.451.411
47	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	(95.108.170)	(5.108.086.577)
48	Tăng phải trả người lao động	7.672.402.648	4.905.581.450
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác	201.199.956	(2.835.770.138)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.057.773.873.027)	(1.122.232.467.003)

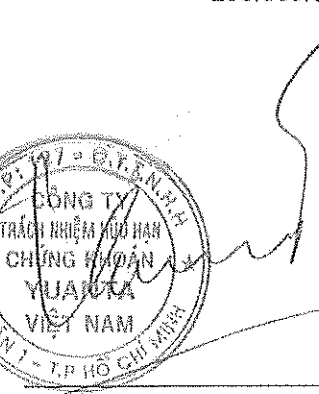
Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

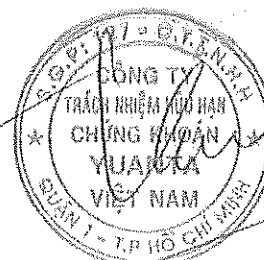
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		(5.709.686.905)	(2.746.611.997)
62	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ		50.136.364	-
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.659.550.541)	(2.746.611.997)
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
71	Tiền thu từ vốn góp	6.1	-	500.000.000.000
73	Tiền vay gốc	5.1	7.616.002.000.000	6.240.085.000.000
74	Tiền chi trả nợ gốc vay	5.2	(6.987.875.000.000)	(6.115.965.000.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		628.127.000.000	624.120.000.000
90	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(435.306.423.568)	(500.859.079.000)
101	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3.1	653.076.061.644	1.153.935.140.644
101.1	Tiền		403.076.061.644	403.935.140.644
102.2	Các khoản tương đương tiền		250.000.000.000	750.000.000.000
103	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3.1	217.769.638.076	653.076.061.644
103.1	Tiền		217.769.638.076	403.076.061.644
103.2	Các khoản tương đương tiền		-	250.000.000.000


Đào Thị Ngọc Thủy
Người lập


Bùi Đình Vinh
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 3 năm 2025



Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

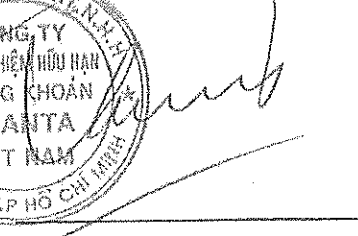
PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		
01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	80.011.033.699.913	53.091.329.158.450
02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	(75.973.450.287.430)	(62.431.022.305.080)
07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	47.921.866.354.564	42.735.188.057.417
07.1	Tiền gửi ký quỹ của khách hàng tại VSDC	(28.443.096.172)	(52.323.528.470)
08	Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	(52.237.750.846.712)	(33.315.227.205.705)
11	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	(6.128.190.844)	(4.378.624.309)
14	Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán	267.033.717.950	1.440.178.508.665
15	Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	(269.427.168.350)	(1.437.331.253.265)
20	(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm	(315.265.817.081)	26.412.807.703
30	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	953.540.761.946	927.127.954.243
31	Tiền gửi ngân hàng	953.540.761.946	927.127.954.243
32	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	761.676.298.283	682.939.962.110
32.1	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán tại VSDC	191.864.463.663	244.187.992.133
40	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	638.274.944.865	953.540.761.946
41	Tiền gửi ngân hàng	638.274.944.865	953.540.761.946
42	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	474.853.577.374	761.676.079.883
42.1	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán tại VSDC	163.421.367.491	191.864.463.663
45	Tiền gửi của tổ chức phát hành	-	218.400


Đào Thị Ngọc Thủy
Người lập


Bùi Đình Vinh
Kế toán trưởng




Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 3 năm 2025

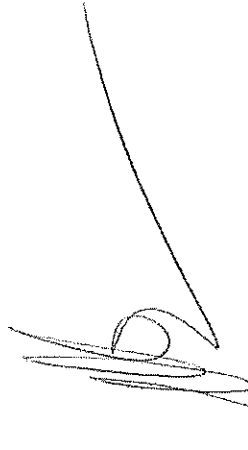
Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

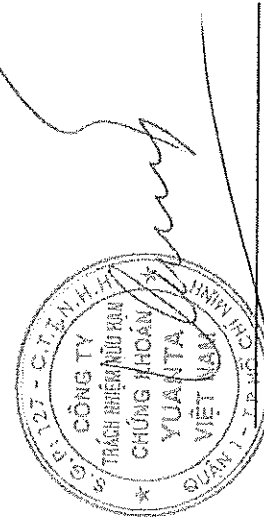
Mẫu số B04 – CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Tại ngày		Năm tài chính kết thúc ngày		Năm tài chính kết thúc ngày	
	1.1.2023	1.1.2024	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu						
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu						
1.1 Vốn điều lệ	2.000.924.317.200	2.500.924.317.200	-	-	-	-
1.2 Vốn khác của chủ sở hữu	2.000.000.000.000	2.500.000.000.000	-	-	-	-
	924.317.200	924.317.200	-	-	-	-
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	22.616.594.760	22.616.594.760	-	-	-	-
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	21.712.388.413	21.712.388.413	-	-	-	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối	334.657.174.984	455.560.113.879	122.306.982.354	-	122.306.982.354	-
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	334.243.463.628	456.342.225.623	122.250.884.112	-	122.250.884.112	-
4.2 Lỗ chưa thực hiện	413.711.356	(782.111.744)	56.098.242	-	56.098.242	-
Tổng cộng	2.379.910.475.357	3.000.813.414.252	620.902.938.895	-	122.306.982.354	-



Bùi Đình Vinh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 3 năm 2025



Đào Thị Ngọc Thủy
Người lập

Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty TNHH Chứng khoán Yunta Việt Nam (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3700334885 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Giấy phép thành lập và hoạt động số 127/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 6 năm 2019. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 51/GPĐC-UBCK được cấp ngày 22 tháng 6 năm 2023.

Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 3.18.

Trụ sở chính và thông tin liên hệ

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 4, Saigon Centre, Số 65 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thông tin liên hệ :

Email: customer.service@yunta.com.vn

Điện thoại: +84 28 3622 6868

Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty được ban hành ngày 18 tháng 12 năm 2014 và được cập nhật lần gần nhất ngày 18 tháng 7 năm 2024.

Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 348 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 368 nhân viên).

Quy mô vốn

Tại ngày
31 tháng 12 năm 2024
 (“ngày báo cáo”)
VND

Vốn điều lệ của Công ty
Tổng vốn chủ sở hữu
Tổng tài sản

2.500.000.000.000
3.123.120.396.606
5.389.408.699.267

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng và chủ sở hữu của Công ty. Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành.

Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1 trụ sở chính, 6 chi nhánh hoạt động tại Việt Nam (31 tháng 12 năm 2023: Công ty có 1 trụ sở chính, 6 chi nhánh và 1 phòng giao dịch hoạt động tại Việt Nam).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, cho vay ký quỹ, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm 2024, thị trường chứng khoán tăng trưởng tích cực so với năm 2023. Theo đó, lợi nhuận ròng sau thuế của Công ty tăng nhẹ 1% so với năm trước, trong đó:

- Doanh thu phí môi giới tăng 2% so với năm 2023, tương ứng với mức tăng khối lượng giao dịch thực hiện thông qua Công ty;
- Doanh thu từ giao dịch cho vay ký quỹ tăng 38% do nhu cầu vay ký quỹ của nhà đầu tư tăng theo sự hồi phục tích cực của thanh khoản trên thị trường chứng khoán;
- Chi phí lãi vay tăng 39% do Công ty tăng đi vay để tài trợ cho mục đích cho vay ký quỹ của nhà đầu tư;
- Chi phí môi giới chứng khoán tăng 7% theo xu hướng tăng của doanh thu môi giới;
- Chi phí quản lý tăng 8% so với năm 2023 chủ yếu từ chi phí quảng cáo, quảng bá thương hiệu, chi phí sửa chữa, bảo trì và nâng cấp phần mềm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210/2014/TT-BTC"), Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334/2016/TT-BTC"), Công văn 6190/BTC-CĐKT ngày 12 tháng 5 năm 2017 ("Công văn 6190/BTC-CĐKT") và Thông tư 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 ("Thông tư 23/2018/TT-BTC") do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") được đo lường và ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

2.2 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu và việc trình bày các công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính, cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

2.3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng phần mềm kế toán theo hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.4 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”), cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty.

2.6 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của báo cáo tình hình tài chính, ngoại trừ các khoản vay và nợ phải trả mà Công ty đã sử dụng công cụ tài chính để phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái, lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của báo cáo tình hình tài chính được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

2.8 Tài sản tài chính**(a) Phân loại và đo lường****(i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)**

Tài sản tài chính FVTPL là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh hoặc do Ban Tổng Giám đốc xác định từ ban đầu là được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Một tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu nó là một phần của một danh mục các công cụ tài chính cụ thể được quản lý và có bằng chứng về việc kinh doanh danh mục đó để nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Nó là một công cụ phái sinh (ngoại trừ các công cụ phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.8 Tài sản tài chính (tiếp theo)****(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)****(i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") (tiếp theo)**

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, một tài sản tài chính được xác định là tài sản tài chính FVTPL nếu việc phân loại này sẽ làm các thông tin về tài sản tài chính được trình bày một cách hợp lý hơn vì một trong các lý do sau đây:

- Nó loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị (còn được gọi là sự "không thống nhất kế toán") mà sự không thống nhất này có thể bắt nguồn từ việc xác định giá trị của các tài sản hoặc ghi nhận lãi hoặc lỗ theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý của nó được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý và phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định và thông tin về nhóm tài sản này được cung cấp nội bộ cho những người quản lý quan trọng của Công ty (được nêu rõ trong Chuẩn mực Kế toán số 26 – Thông tin về các bên liên quan).

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị trường).

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh mà:

- Việc hoàn trả là cố định hay xác định được;
- Ngày đáo hạn là cố định; và
- Công ty có ý định tích cực và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư HTM không bao gồm:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ ("FVTPL");
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán ("AFS"); và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Tài sản tài chính (tiếp theo)

(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp theo)

Một tài sản tài chính sẽ không được phân loại vào các khoản đầu tư HTM nếu, trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất, Công ty đã bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các tài sản tài chính HTM trước thời hạn, trong đó mức độ đáng kể được so với tổng giá trị các tài sản tài chính HTM, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một số các điều kiện sau:

- Rất gần ngày đáo hạn (Ví dụ: không quá 3 tháng trước khi đáo hạn) mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của tài sản tài chính;
- Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các tài sản tài chính này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và nguyên nhân này không lặp lại và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này, sau đó ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm tài chính liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.8 Tài sản tài chính (tiếp theo)****(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)****(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp theo)**

Tại ngày của báo cáo tình hình tài chính, các khoản đầu tư HTM được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị hoặc khả năng không thu hồi được do một số sự kiện xảy ra sau thời điểm ghi nhận ban đầu gây ảnh hưởng đến dòng tiền ước tính trong tương lai của các khoản đầu tư HTM. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Công ty đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, mà Công ty không thể xem xét hơn được;
- Khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính của bên đi vay là cao;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm đo lường được của dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các khoản đầu tư HTM kể từ khi ghi nhận ban đầu, mặc dù sự suy giảm đó chưa được xác định cụ thể đối với từng tài sản riêng lẻ trong nhóm, bao gồm:
 - (i) Những thay đổi tiêu cực trong tình hình trả nợ của những người vay trong cùng một nhóm; hoặc
 - (ii) Các điều kiện kinh tế trong nước hoặc địa phương có mối liên quan tới mất khả năng thanh toán đối với các khoản đầu tư HTM trong nhóm.

Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư HTM tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư HTM được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư này tại ngày của báo cáo tình hình tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Tài sản tài chính (tiếp theo)

(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)

(iii) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động.

Trong năm tài chính, Công ty có các khoản cho vay bao gồm:

- Cho vay giao dịch ký quỹ: là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Theo quy định này, tỷ lệ ký quỹ ban đầu (tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch) do công ty chứng khoán quy định nhưng không được thấp hơn 50%. Số dư cho vay ký quỹ được đảm bảo bởi chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ; và
- Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán: là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán đã khớp lệnh nhưng chưa đến hạn thanh toán, và sẽ được thu hồi vào ngày thanh toán bù trừ của giao dịch bán đó. Theo Quyết định 109/QĐ-VSDD và Quyết định 110/QĐ-VSD của VSDC, từ ngày 29 tháng 8 năm 2022, thời gian thanh toán bù trừ là trước 12 giờ ngày làm việc thứ hai liền kề sau ngày giao dịch.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày của báo cáo tình hình tài chính, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Tài sản tài chính (tiếp theo)

(b) Phân loại lại

(i) *Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL*

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL, Công ty phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các nhóm tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL trước khi bán. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS lũy kế trong vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

(ii) *Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ*

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM") không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") và phải được định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

(c) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các tài sản tài chính được ghi nhận theo ngày giao dịch – là ngày Công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính.

Các tài sản tài chính được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các tài sản tài chính đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các tài sản tài chính đó.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba, nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Tài sản tài chính (tiếp theo)

(d) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm chi phí mua. Các tài sản tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các tài sản tài chính với giá trị bằng không (0).

(e) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý

Công ty áp dụng nguyên tắc định giá tài sản tài chính theo Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 về chỉ tiêu an toàn tài chính của tổ chức kinh doanh chứng khoán ("Thông tư 91/2020/TT-BTC") để làm căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý, cụ thể như sau:

- (i) *Cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM")*

Cổ phiếu niêm yết được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày báo cáo. Cổ phiếu giao dịch trên UPCoM được đánh giá lại căn cứ vào giá tham chiếu trong ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính.

- (ii) *Chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi*

Các chứng khoán này được định giá dựa trên giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo gần nhất.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán không thuộc các nhóm nêu trên sẽ được dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.8 Tài sản tài chính (tiếp theo)****(f) Hạch toán lãi/(lỗ)***Chi phí mua*

Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính FVTPL được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động. Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính khác được hạch toán vào giá gốc của tài sản.

Chi phí bán

Chi phí giao dịch bán các tài sản tài chính được hạch toán vào chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính được hạch toán vào doanh thu/(chi phí) hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính được ghi tăng/(giảm) chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

2.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí dịch vụ cung cấp, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của báo cáo tình hình tài chính tới ngày đến hạn thu hồi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong năm tài chính. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Hợp đồng tương lai

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến hợp đồng tương lai theo hướng dẫn trong Công văn 6190/BTC-CĐKT, cụ thể như sau:

Giao dịch môi giới

Tiền nộp vào Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu 'Tài sản dài hạn khác' trên báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu từ phí giao dịch hợp đồng tương lai được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu 'Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán'.

Tiền và tài sản ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng được ghi nhận ngoài báo cáo tình hình tài chính ở chỉ tiêu 'Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư' và 'Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC'.

2.11 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các tài sản đem đi thế chấp/cầm cố

Trong năm tài chính, Công ty có các khoản đầu tư đem đi thế chấp/cầm cố để đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

2.12 TSCĐ

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.12 TSCĐ (tiếp theo)

Khấu hao và hao mòn

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa	4%
Máy móc, thiết bị	20% - 33%
Phương tiện vận tải	17% - 33%
Phương tiện quản lý	20% - 33%
Phần mềm vi tính	20% - 34%

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình hình thành nhằm phục vụ công việc kinh doanh hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.13 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào chi phí hoạt động trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các loại chi phí được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 1 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động bao gồm chi phí cải tạo văn phòng và chi phí vật dụng văn phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn được ghi nhận khi Công ty thanh toán khoản tiền ký quỹ, ký cược theo điều khoản hợp đồng và được phân loại là tài sản ngắn hạn/dài hạn khác.

2.16 Nợ phải trả

(a) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ từ việc nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý khi ký kết hợp đồng giao dịch. Nợ phải trả được chấm dứt ghi nhận khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ phát sinh. Các khoản phải trả được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và thận trọng.

(b) Phân loại

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào loại nghiệp vụ phát sinh bao gồm:

- Nợ vay;
- Phải trả liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán;
- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của báo cáo tình hình tài chính tới ngày đến hạn thanh toán.

2.17 Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Công ty hoặc là các hợp đồng có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tài sản tài chính và nợ tài chính được trình bày theo giá trị thuần trên báo cáo tài chính trong trường hợp Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần, hoặc để cùng lúc thanh toán một tài sản và một khoản nợ phải trả.

2.18 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các bên liên quan. Các khoản vay được trình bày theo giá gốc tại ngày báo cáo.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của báo cáo tình hình tài chính tới ngày đến hạn thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.18 Vay (tiếp theo)**

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Công ty thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với những khoản vay có gốc ngoại tệ thông qua việc ký kết hợp đồng hoán đổi ngoại tệ với các ngân hàng. Chi phí phòng ngừa rủi ro phát sinh từ những hợp đồng này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng vào chi phí đi vay trong báo cáo kết quả hoạt động trong năm.

2.19 Thuế thu nhập của nhà đầu tư

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, đối với nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài, Công ty có trách nhiệm giữ lại 0,1% giá trị chuyển nhượng để nộp thuế nhà thầu thay cho nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư cá nhân (kể cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty cần giữ lại 0,1% giá trị chuyển nhượng để nộp thuế thu nhập cá nhân thay cho nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước, Công ty không giữ lại tiền thuế trên giá trị chuyển nhượng mà chính các tổ chức trong nước này tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

2.20 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm tài chính.

2.21 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.22 Vốn chủ sở hữu

(a) Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp.

Vốn khác của chủ sở hữu là số dư còn lại của thặng dư vốn cổ phần khi Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn.

(b) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, Thông tư 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 17 tháng 12 năm 2021 chính thức có hiệu lực, theo đó:

- Chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 được bãi bỏ toàn bộ.
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ theo Luật Chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ hoạt động của Công ty.
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Hội đồng Thành viên, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn, và Điều lệ hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

(c) Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch đã phát sinh lũy kế đến thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động và thuế TNDN hoãn lại trên kết quả đánh giá lại đó.

Lợi nhuận đã thực hiện trong năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.

(d) Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận được phân phối được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính khi quyết định chia lợi nhuận được Hội đồng Thành viên thông qua.

Cơ sở lợi nhuận phân phối cho thành viên là lợi nhuận đã thực hiện sau thuế TNDN và sau khi đã trích lập các quỹ phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.23 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác****(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư**

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành, phí tư vấn tài chính và phí lưu ký chứng khoán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của báo cáo tình hình tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản giảm giá dịch vụ đã cung cấp. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tài chính cung cấp dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm tài chính phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày của báo cáo tình hình tài chính nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính lập báo cáo.

(b) Thu nhập từ hoạt động tự doanh tài sản tài chính

Thu nhập từ hoạt động tự doanh tài sản tài chính bao gồm lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính và cổ tức.

Lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính là khoản chênh lệch giữa giá bán chưa trừ phí bán và giá vốn của tài sản tài chính được thanh lý, nhượng bán. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là thu nhập.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.23 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

(c) Thu nhập trên vốn kinh doanh

Thu nhập trên vốn kinh doanh bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản đầu tư HTM, lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Thu nhập trên vốn kinh doanh được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- thu nhập được xác định tương đối chắc chắn.

(d) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập không thường xuyên phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu và thu nhập nêu trên.

2.24 Chi phí

(a) Ghi nhận

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

(b) Phân loại

Chi phí của Công ty được phân loại theo chức năng như sau:

- Chi phí hoạt động;
- Chi phí tài chính;
- Chi phí quản lý;
- Chi phí khác.

2.25 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh những khoản doanh thu từ hoạt động đầu tư phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng.

2.26 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2.27 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.28 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm tài chính báo cáo hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của báo cáo tình hình tài chính.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.29 Thuế tối thiểu toàn cầu

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 107/2023/QH15 ("Nghị quyết 107") về việc áp dụng Quy định về thuế TNDN bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn ("QDMTT") và Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu ("ILR"). Các quy định này nhất quán và phù hợp với Quy định mẫu chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu Trụ cột 2 ("BESP 2.0") của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế ("OECD") và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 (sau đây gọi là "Quy định thuế thu nhập tối thiểu toàn cầu"). Nghị quyết này quy định các tập đoàn đa quốc gia có quy mô lớn phải nộp thuế TNDN ở mức thuế suất tối thiểu toàn cầu là 15% trên lợi nhuận tại các quốc gia/vùng lãnh thổ mà tập đoàn hoạt động. Cơ chế thuế mới này yêu cầu tính toán mức thuế suất thực tế tại từng quốc gia và nộp khoản thuế bổ sung trên khoản Lợi nhuận tính thuế bổ sung khi thuế suất thực tế tại quốc gia đó thấp hơn mức thuế suất tối thiểu 15%. Công ty nằm trong phạm vi áp dụng của Nghị quyết 107. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng sự thay đổi này sẽ không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thuế TNDN của Công ty tại Việt Nam, bao gồm cả việc tính toán và ghi nhận thuế TNDN hiện hành cũng như thuế TNDN hoãn lại, do Công ty không áp dụng ưu đãi thuế và đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%. Công ty sẽ thực hiện việc đánh giá tác động và thực hiện các thủ tục hành chính về thuế khi nghị định hướng dẫn chi tiết việc áp dụng Nghị quyết 107 được ban hành hoặc có hướng dẫn bổ sung từ cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.30 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.31 Tài sản của khách hàng và nợ phải trả khách hàng

Tài sản của khách hàng và nợ phải trả khách hàng được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính bao gồm:

- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành và nợ phải trả tương ứng; và
- Tài sản tài chính của nhà đầu tư.

2.32 Số liệu bằng không

Các khoản mục được quy định trong Thông tư 334/2016/TT-BTC, Công văn 6190/BTC-CĐKT và Thông tư 23/2018/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính được hiểu là có số liệu bằng không.

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
	VND	VND
Tiền		
Tiền gửi ngân hàng	174.588.003.846	338.134.743.502
Tiền gửi bù trừ thanh toán và giao dịch chứng khoán	43.181.634.230	64.941.318.142
	<u>217.769.638.076</u>	<u>403.076.061.644</u>
Các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	250.000.000.000
Tổng cộng	<u>217.769.638.076</u>	<u>653.076.061.644</u>

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2 Danh mục tài sản tài chính

(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

	Mã chứng khoán	Tại ngày 31.12.2024		Tại ngày 31.12.2023	
		Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch		977.639.680	-	977.639.680	-
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Sài Gòn (*)	TRI	972.722.380	-	972.722.380	-
Cổ phiếu hủy niêm yết		4.917.300	-	4.917.300	-
Tổng cộng		977.639.680	-	977.639.680	-

(*) Công ty Cổ phần Nước Giải khát Sài Gòn đã giải thể năm 2012.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2 Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)

(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	977.639.680	-	(977.639.680)	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	977.639.680	-	(977.639.680)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2 Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại trong nước	827.000.000.000	788.000.000.000
Trong đó		
Các khoản dùng để đảm bảo hạn mức thấu chi	204.000.000.000	200.000.000.000
Các khoản dùng để đảm bảo hạn mức vay (Thuyết minh 3.11)	168.000.000.000	438.000.000.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn gốc là 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,20%/năm đến 5,50%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: kỳ hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,20%/năm đến 8,70%/năm).

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Tại ngày 31.12.2024		Tại ngày 31.12.2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị phải thu khó đòi VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị phải thu khó đòi VND
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính				
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	15.801.260.263	-	30.878.901.359	-
Tiền lãi từ cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán	32.096.262.532	-	27.360.450.869	-
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	1.546.741.194	-	1.385.221.119	-
Các khoản phải thu khác				
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	5.443.335.400	5.443.335.400	5.443.648.045	5.443.648.045
Phải thu khác	178.156.000	-	180.071.000	-
	5.621.491.400	5.443.335.400	5.623.719.045	5.443.648.045
Tổng cộng	55.065.755.389	5.443.335.400	65.248.292.392	5.443.648.045

(*) Đây là các khoản cho vay theo các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản của nhà đầu tư. Theo quy định của UBCKNN, Công ty đã chấm dứt nghiệp vụ này kể từ năm 2012.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu ngắn hạn.



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.4 Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	Giá trị phải thu khó đòi		Dự phòng			
	Tại ngày đầu năm VND	Tại ngày cuối năm VND	Tại ngày đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Tại ngày cuối năm VND
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư	5.443.648.045	5.443.335.400	5.443.648.045	-	(312.645)	5.443.335.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.5 Trả trước cho người bán

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Công ty Liên doanh Khách sạn Sài Gòn Inn	221.161.622	-
Công ty TNHH MTV DL Quốc tế Hải Vân	-	2.046.800.168
Sài Gòn Travel	516.769.330	930.868.986
Khác		
Tổng cộng	737.930.952	2.977.669.154

3.6 Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí sửa chữa và bảo trì	4.532.343.235	3.860.966.837
Công cụ dụng cụ	774.607.723	538.220.479
Khác	1.765.737.311	1.727.793.946
Tổng cộng	7.072.688.269	6.126.981.262

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí sửa chữa	3.107.850.974	1.228.672.668
Công cụ dụng cụ	684.140.044	1.660.244.189
Khác	643.393.127	132.375.790
Tổng cộng	4.435.384.145	3.021.292.647

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.7 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Phương tiện quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1.1.2024	12.133.175.000	42.454.106.825	2.423.136.600	1.187.715.868	58.198.134.293
Mua trong năm	-	4.995.541.905	-	-	4.995.541.905
Thanh lý	-	(53.776.333)	-	(94.089.755)	(147.866.088)
Tại ngày 31.12.2024	12.133.175.000	47.395.872.397	2.423.136.600	1.093.626.113	63.045.810.110
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1.1.2024	8.412.334.735	30.479.960.094	2.294.470.825	1.060.027.571	42.246.793.225
Khấu hao trong năm	485.327.004	4.983.554.096	128.665.775	44.167.896	5.641.714.771
Thanh lý	-	(53.776.333)	-	(94.089.755)	(147.866.088)
Tại ngày 31.12.2024	8.897.661.739	35.409.737.857	2.423.136.600	1.010.105.712	47.740.641.908
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1.1.2024	3.720.840.265	11.974.146.731	128.665.775	127.688.297	15.951.341.068
Tại ngày 31.12.2024	3.235.513.261	11.986.134.540	-	83.520.401	15.305.168.202

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 29.494.055.155 Đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 19.574.976.438 Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.7 TSCĐ (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

Phần mềm vi tính
VND

Nguyên giá	30.973.339.680
Tại ngày 1.1.2024	631.345.000
Mua trong năm	
	<u>31.604.684.680</u>
Tại ngày 31.12.2024	
Giá trị hao mòn lũy kế	22.395.221.551
Tại ngày 1.1.2024	3.873.434.081
Hao mòn trong năm	
	<u>26.268.655.632</u>
Tại ngày 31.12.2024	
Giá trị còn lại	8.578.118.129
Tại ngày 1.1.2024	
	<u>5.336.029.048</u>
Tại ngày 31.12.2024	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã hao mòn hết nhưng còn sử dụng là 19.533.408.180 Đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 8.036.557.680 Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.7 TSCĐ (tiếp theo)

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Phần mềm vi tính	362.550.000	279.750.000
Khác	-	124.222.290
Tổng cộng	362.550.000	403.972.290

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm tài chính như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Số dư đầu năm	403.972.290	279.750.000
Tăng trong năm	82.800.000	1.681.406.093
Kết chuyển vào chi phí trả trước	(124.222.290)	(1.462.258.828)
Kết chuyển vào TSCĐ hữu hình	-	(94.924.975)
Số dư cuối năm	362.550.000	403.972.290

3.8 Ký quỹ dài hạn

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Ký quỹ thuê văn phòng	5.902.866.332	6.294.615.358
Khác	77.000.000	23.000.000
Tổng cộng	5.979.866.332	6.317.615.358

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.9 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu Đồng tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và hàng năm đóng thêm số tiền là 0,01% của tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và môi giới trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ Đồng/năm. Mức đóng góp tối đa vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ Đồng.

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Số dư đầu năm	20.000.000.000	19.157.385.043
Tiền nộp trong năm và lãi được phân bổ	-	842.614.957
Số dư cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000

3.10 Tài sản dài hạn khác

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Tiền nộp Quỹ bù trừ	10.000.000.000	10.000.000.000

Theo Quy chế Quản lý và Sử dụng Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phải sinh ban hành kèm theo Quyết định số 14/QĐ-HĐTV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ Đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.11 Các khoản vay ngắn hạn

Biến động các khoản vay ngắn hạn trong năm tài chính như sau:

	Số dư đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Các ngân hàng nước ngoài (i)	1.286.254.000.000	5.806.002.000.000	(5.224.875.000.000)	1.867.381.000.000
Các ngân hàng trong nước (ii)	263.000.000.000	1.810.000.000.000	(1.763.000.000.000)	310.000.000.000
Tổng cộng	1.549.254.000.000	7.616.002.000.000	(6.987.875.000.000)	2.177.381.000.000

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn từ 1 đến 6 tháng và dùng để bổ sung vốn lưu động.

- (i) Các khoản vay bằng Đô la Mỹ không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất thả nổi từ 5,15% đến 5,90%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 6,00% đến 7,01%/năm). Công ty đã phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái trên toàn bộ số dư đi vay này thông qua việc ký kết các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ.
- (ii) Đây là các khoản vay theo khế ước từng lần bằng VND, trong đó có các khoản vay được đảm bảo bởi các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (Thuyết minh 3.2(b)). Lãi suất cố định của các khoản vay này là từ 4,30% đến 5,70%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 2,97% đến 4,00%/năm) và được xác định tại từng thời điểm giải ngân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.12 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
	VND	VND
Phải trả các sổ giao dịch chứng khoán	2.713.676.026	2.448.572.711
Phải trả Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	666.196.793	759.322.383
Tổng cộng	3.379.872.819	3.207.895.094

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

3.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
	VND	VND
Thuế TNDN – hiện hành	6.705.424.688	8.306.173.577
Thuế thu nhập cá nhân – nhà đầu tư	8.964.476.664	7.284.347.295
Thuế thu nhập cá nhân – nhân viên	531.850.781	2.186.814.677
Thuế nhà thầu nước ngoài	88.507.050	188.224.437
Thuế giá trị gia tăng	18.264.326	24.796.021
Tổng cộng	16.308.523.509	17.990.356.007

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp theo)

Biến động về thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước trong năm tài chính như sau:

	Tại ngày 31.12.2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ cán trừ trong năm VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
Thuế TNDN – hiện hành	8.306.173.577	31.974.548.505	(33.575.297.394)	6.705.424.688
Thuế thu nhập cá nhân – nhà đầu tư	7.284.347.295	135.191.026.938	(133.510.897.569)	8.964.476.664
Thuế thu nhập cá nhân – nhân viên	2.186.814.677	25.942.969.951	(27.597.933.847)	531.850.781
Thuế nhà thầu nước ngoài	188.224.437	8.835.066.012	(8.934.783.399)	88.507.050
Thuế giá trị gia tăng	24.796.021	371.843.521	(378.375.216)	18.264.326
Tổng cộng	17.990.356.007	202.315.454.927	(203.997.287.425)	16.308.523.509

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.14 Phải trả người lao động

Số dư thể hiện khoản tiền thưởng phải trả cho người lao động.

3.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí lãi vay và phòng ngừa rủi ro khoản vay	8.488.340.752	5.450.533.016
Chi phí dịch vụ	648.889.349	603.431.560
Chi phí thưởng và hoa hồng	146.901.952	272.155.903
Chi phí phải trả khác	1.603.566.630	4.840.847.034
Tổng cộng	10.887.698.683	11.166.967.513

3.16 Quỹ bảo vệ nhà đầu tư

Đây là khoản trích lập bồi thường thiệt hại nhà đầu tư trong hoạt động môi giới chứng khoán.

3.17 Tài sản thuế TNDN hoãn lại

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	181.503.375	195.527.936

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.17 Tài sản thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Biến động về tài sản thuế TNDN hoãn lại trong năm tài chính như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Số dư đầu năm	195.527.936	195.527.936
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động (Thuyết minh 4.7)	(14.024.561)	-
Số dư cuối năm	181.503.375	195.527.936

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Chênh lệch tạm thời chịu thuế:		
Chênh lệch lỗ đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	977.639.680	977.639.680
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(70.122.803)	-
	907.516.877	977.639.680
Thuế TNDN hoãn lại (tính ở thuế suất 20%)	181.503.375	195.527.936

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

3.18 Vốn góp của chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	
	VND	%
Yunta Securities Asia Financial Services Private Limited	2.352.400.000.000	94,10
Yunta Securities (Hong Kong) Company Limited	147.600.000.000	5,90
	2.500.000.000.000	100,00

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, theo bản điều chỉnh gần nhất của Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 51/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 6 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 2.500 tỷ Đồng đã được góp đủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.19 Lợi nhuận chưa phân phối

	Tại ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	578.593.109.735	456.342.225.623
Lỗ chưa thực hiện	(726.013.502)	(782.111.744)
Tổng cộng	577.867.096.233	455.560.113.879

Biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm tài chính như sau:

	Tại ngày 31.12.2023 VND	Lợi nhuận trong năm VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối	456.342.225.623	122.250.884.112	578.593.109.735
Lỗ chưa thực hiện	(782.111.744)	56.098.242	(726.013.502)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	455.560.113.879	122.306.982.354	577.867.096.233

4 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

4.1 Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
	VND	VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	2.090.000	25.000.000
Trong đó:		
Chứng khoán cơ sở	2.090.000	25.000.000
Lãi ròng	2.090.000	25.000.000

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

4 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

4.1 Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

Chi tiết lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn (*) VND	Lãi bán năm này VND	Lãi bán năm trước VND
Cổ phiếu	1.900	126.540.000	124.450.000	2.090.000	25.000.000

(*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

4.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lãi lũy kế tại ngày 31.12.2024 VND	Chênh lệch đánh giá lãi lũy kế tại ngày 31.12.2023 VND	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm VND
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	977.639.680	-	(977.639.680)	(977.639.680)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

4 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

4.3 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	119.789.611.872	86.288.949.617
(Thu nhập)/chi phí phòng ngừa rủi ro khoản vay	(12.881.808.626)	7.461.406.306
Chi phí thuê nhà thầu nước ngoài	5.595.882.897	4.267.420.294
Chi phí bảo lãnh của khoản vay	387.453.006	153.418.244
Hoàn nhập dự phòng của hợp đồng hợp tác đầu tư (Thuyết minh 3.4)	(312.645)	(415.862)
Tổng cộng	112.890.826.504	98.170.778.599

4.4 Chi phí hoạt động ngoài các chi phí liên quan đến tài sản tài chính

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
	VND	VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	187.690.254.189	174.779.155.832
Chi phí nhân viên	114.762.373.497	112.510.495.270
Chi phí giao dịch chứng khoán	45.675.583.667	36.941.446.907
Chi phí thuê văn phòng	16.140.999.985	14.312.860.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.123.655.560	3.225.116.212
Chi phí sửa chữa và bảo trì	1.230.241.903	1.328.784.171
Chi phí khấu hao TSCĐ	762.493.748	794.118.517
Chi phí khác	5.994.905.829	5.666.333.840
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	11.408.317.189	9.281.683.778
Chi phí lưu ký	7.217.142.849	5.596.116.924
Chi phí nhân viên	4.060.602.253	3.615.970.477
Chi phí khác	130.572.087	69.596.377
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	3.056.674.664	2.986.233.652
Chi phí nhân viên	2.804.790.689	2.516.914.674
Chi phí thuê văn phòng	196.521.226	190.696.102
Chi phí khác	55.362.749	278.622.876
Tổng cộng	202.155.246.042	187.047.073.262

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

4 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

4.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.044.478.991	7.029.414.903
Lãi từ tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	985.741.567	818.011.901
Khác	390.958.185	132.182.306
Tổng cộng	6.421.178.743	7.979.609.110

4.6 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	95.244.681.426	96.089.005.907
Chi phí sửa chữa và bảo trì	15.453.904.416	7.787.335.505
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.752.655.104	10.987.912.474
Chi phí thuê văn phòng	8.471.941.578	7.339.176.832
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.223.086.763	6.080.586.308
Chi phí khác	10.429.507.157	7.881.640.179
Tổng cộng	146.575.776.444	136.165.657.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

4 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

4.7 Chi phí thuế TNDN

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% (2023: 20%) như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	154.295.555.420	153.698.087.250
Thuế tính ở thuế suất 20%:	30.859.111.084	30.739.617.450
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(2.000)	(8.003.060)
Chi phí không được khấu trừ	1.125.610.334	586.315.506
Dự phòng thiếu của năm trước	460.420.543	1.642.016.774
Khác	(456.566.895)	(164.798.315)
Chi phí thuế TNDN (*)	31.988.573.066	32.795.148.355
Thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trong năm:		
Chi phí thuế TNDN - hiện hành	31.974.548.505	32.795.148.355
Chi phí thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 3.17)	14.024.561	-
Chi phí thuế TNDN	31.988.573.066	32.795.148.355

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

5.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm

Số tiền đi vay thực thu trong năm là số tiền thu được từ các khoản vay theo hợp đồng tín dụng (Thuyết minh 3.11).

5.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm là số tiền đã trả cho các khoản vay theo hợp đồng tín dụng (Thuyết minh 3.11).

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

6.1 Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1.1.2023	2.000.000.000.000	924.317.200	22.616.594.760	21.712.388.413	334.657.174.984	2.379.910.475.357
Tăng vốn điều lệ từ vốn thực góp của thành viên (*)	500.000.000.000	-	-	-	-	500.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	120.902.938.895	120.902.938.895
Tại ngày 31.12.2023	2.500.000.000.000	924.317.200	22.616.594.760	21.712.388.413	455.560.113.879	3.000.813.414.252
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	122.306.982.354	122.306.982.354
Tại ngày 31.12.2024	2.500.000.000.000	924.317.200	22.616.594.760	21.712.388.413	577.867.096.233	3.123.120.396.606

(*) Hội đồng Thành viên đã thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ thêm 500.000.000.000 Đồng bằng vốn thực góp của thành viên theo Quyết định số 41-2022/QĐ-HĐTV-YSVN ngày 19 tháng 10 năm 2022.

Căn cứ theo Công văn số 178/UBCK-QLKD ngày 12 tháng 1 năm 2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ bằng vốn thực góp của thành viên góp vốn. Việc tăng vốn điều lệ đã hoàn tất vào ngày 18 tháng 1 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

7 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Yuenta Securities Asia Financial Services Private Limited do chiếm 94,10% vốn điều lệ của Công ty. Công ty mẹ cao nhất là Yuenta Financial Holding Co., Ltd., một công ty được thành lập tại Đài Loan.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Yuenta Financial Holding Co., Ltd.	Công ty mẹ cao nhất
Yuenta Securities Asia Financial Services Private Limited	Công ty mẹ
Yuenta Securities (HongKong) Company Limited	Công ty cùng tập đoàn
Yuenta Securities Company Limited	Công ty cùng tập đoàn
Yuenta Securities (Thailand) Company Limited	Công ty cùng tập đoàn
Yuenta Futures (HongKong) Company Limited	Công ty cùng tập đoàn
Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính bao gồm:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Yuenta Securities (HongKong) Company Limited		
Giá trị giao dịch môi giới mua chứng khoán	96.845.431.750	61.703.697.000
Giá trị giao dịch môi giới bán chứng khoán	109.648.133.400	84.169.249.350
Doanh thu tư vấn đầu tư	218.122.002	217.647.840
Doanh thu phí môi giới chứng khoán	247.792.270	175.047.536
Yuenta Securities (Thailand) Company Limited		
Giá trị giao dịch môi giới mua chứng khoán	143.481.780.000	1.271.704.000
Giá trị giao dịch môi giới bán chứng khoán	12.474.109.000	19.112.627.240
Doanh thu phí môi giới chứng khoán	127.541.132	30.576.516
Doanh thu phí lưu ký chứng khoán	1.010.383	2.674.661
Yuenta Securities Asia Financial Services Private Limited		
Phí bảo lãnh	373.150.684	130.684.932

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

7 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
	VND	VND
Yuenta Future (HongKong) Company Limited		
Doanh thu giao dịch phái sinh	331.735.700	939.231.700
Chi phí giao dịch phái sinh	183.629.700	532.577.700
Yuenta Securities Company Limited		
Doanh thu từ chia sẻ chi phí phát triển ứng dụng	-	381.758.158
Chi phí phát triển và bảo trì ứng dụng	337.796.814	333.698.130
Yuenta Financial Holding Co., Ltd.		
Chi phí phát triển và bảo trì ứng dụng	3.355.454.074	-
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	14.806.219.425	12.920.834.259

(b) Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan

	Tại ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
	VND	VND
Yuenta Securities Asia Financial Services Private Limited		
Phải trả phí bảo lãnh	373.150.684	130.684.932
Yuenta Securities (HongKong) Company Limited		
Phải thu tư vấn đầu tư	33.316.024	15.987.870
Yuenta Securities Company Limited		
Phải trả phí bảo trì ứng dụng	84.344.362	85.774.055
Yuenta Financial Holding Co., Ltd.		
Phải trả phí phát triển và bảo trì ứng dụng	3.284.605.871	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết như nhận diện rủi ro và đo lường rủi ro, chiến lược đầu tư và giới hạn đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính. Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc xem xét.

Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Ban Tổng Giám đốc.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính và các khoản phải thu.

Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty bằng với giá trị ghi sổ tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng chưa trừ dự phòng đã lập và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác, chi tiết như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Tiền gửi ngân hàng (Thuyết minh 3.1)	217.769.638.076	653.076.061.644
Các khoản đầu tư HTM (Thuyết minh 3.2(b))	827.000.000.000	788.000.000.000
Các khoản cho vay (Thuyết minh 3.2(c))	4.226.416.414.532	3.055.596.049.072
Các khoản phải thu (Thuyết minh 3.3)	55.065.755.389	65.248.292.392
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn (Thuyết minh 3.8)	5.979.866.332	6.317.615.358
Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng	5.332.231.674.329	4.568.238.018.466

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(i) Số dư với tổ chức tín dụng

Số dư với tổ chức tín dụng bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và lãi dự thu.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Ban Tổng Giám đốc tín nhiệm hoặc là thành viên thanh toán và bù trừ của VSDC. Số dư với ngân hàng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các số dư với ngân hàng là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có số dư nào với ngân hàng bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có số dư tiền gửi với Ngân hàng nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

(ii) Ứng trước tiền bán chứng khoán và tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh được yêu cầu nộp vào đơn vị này.

Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ hỗ trợ thanh toán và Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện.

Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có số dư nào với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam bị quá hạn mà chưa thu hồi bị suy giảm giá trị.

(iii) Giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức

Đối với nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, Công ty chứng khoán thực hiện đánh giá rủi ro thanh toán của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức để xác định mức tiền phải có khi đặt lệnh mua cổ phiếu (nếu có) theo thỏa thuận giữa công ty chứng khoán và nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức hoặc đại diện theo ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

- (iii) *Giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức (tiếp theo)*

Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không thanh toán đủ tiền cho giao dịch mua cổ phiếu, nghĩa vụ thanh toán giao dịch thiếu tiền được chuyển cho công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đặt lệnh thông qua tài khoản tự doanh, ngoại trừ trường hợp ngân hàng lưu ký nơi nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức mở tài khoản lưu ký chứng khoán chịu trách nhiệm thanh toán giao dịch thiếu tiền và các chi phí phát sinh (nếu có) trong trường hợp xác nhận sai số dư tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức với công ty chứng khoán dẫn tới thiếu tiền thanh toán giao dịch mua cổ phiếu.

- (iv) *Hợp đồng giao dịch ký quỹ*

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt và cập nhật thường xuyên bởi bộ phận quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm biến động giá và tình thanh khoản.

Bộ phận Dịch vụ Khách hàng có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 35% (theo luật định: 30%), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 13.549.922.873.771 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.694.555.294.469 Đồng (Thuyết minh 3.2(c))).

Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa đối với một cá nhân hoặc một tổ chức là 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có khoản cho vay ký quỹ nào vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản cho vay ký quỹ tại thời điểm báo cáo như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Chưa quá hạn và không bị suy giảm giá trị	4.223.929.134.478	3.053.108.769.018
Quá hạn và bị suy giảm giá trị	2.487.280.054	2.487.280.054
Dự phòng đã lập	(2.487.280.054)	(2.487.280.054)
Giá trị thuần	4.223.929.134.478	3.053.108.769.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(v) Các khoản phải thu

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tín nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có khoản phải thu nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản phải thu tại thời điểm báo cáo như sau:

	Quá hạn và bị suy giảm VND	Chưa quá hạn và không bị suy giảm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31.12.2024			
Trong hạn	-	49.622.419.989	49.622.419.989
Quá hạn trên 3 tháng	5.443.335.400	-	5.443.335.400
	5.443.335.400	49.622.419.989	55.065.755.389
Dự phòng đã lập	(5.443.335.400)	-	(5.443.335.400)
Giá trị thuần	-	49.622.419.989	49.622.419.989
Tại ngày 31.12.2023			
Trong hạn	-	59.804.644.347	59.804.644.347
Quá hạn trên 3 tháng	5.443.648.045	-	5.443.648.045
	5.443.648.045	59.804.644.347	65.248.292.392
Dự phòng đã lập	(5.443.648.045)	-	(5.443.648.045)
Giá trị thuần	-	59.804.644.347	59.804.644.347

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá cổ phiếu.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định, và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

• **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất thị trường. Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay của Công ty đều có thời hạn ngắn nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể.

• **Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình tỷ giá và cập nhật kế hoạch dòng tiền bằng ngoại tệ, và sử dụng công cụ phòng ngừa rủi ro tiền tệ khi cần thiết.

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ đồng Đô la Mỹ ("USD"). Rủi ro tỷ giá Đô la Mỹ của Công ty được trình bày như sau:

	Ngoại tệ gốc USD		Quy đổi sang VND	
	31.12.2024	31.12.2023	31.12.2024	31.12.2023
Nợ tài chính				
Các khoản vay	74.000.000	53.000.000	1.867.381.000.000	1.286.254.000.000
Vị thế phải trả thuần	<u>(74.000.000)</u>	<u>(53.000.000)</u>	<u>(1.867.381.000.000)</u>	<u>(1.286.254.000.000)</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024****8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****(b) Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

- Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có vị thế phải trả thuần bằng USD như đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, Công ty đã ký hợp đồng hoán đổi ngoại tệ với các ngân hàng trong nước nhằm chốt chi phí mua USD để thanh toán trong tương lai. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đánh giá không còn rủi ro tiền tệ.

- Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, lợi nhuận trước thuế của Công ty không thay đổi.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn hoặc không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Các tài sản của Công ty được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay được trình bày tại Thuyết minh 3.11.

Bảng dưới đây phân tích các tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính theo thời hạn thanh toán. Thời hạn thanh toán được xác định dựa trên thời gian còn lại từ ngày báo cáo đến ngày thanh toán. Thời gian thanh toán của chứng khoán vốn và các công cụ trên thị trường tiền tệ được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng chuyển đổi thành tiền). Các số tiền được trình bày là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu và chưa trừ dự phòng đã lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Quá hạn	Trong hạn			Tổng cộng VND
	Trên 3 tháng VND	Đến 1 tháng VND	Từ trên 1 tháng đến 3 tháng VND	Từ trên 3 tháng đến 12 tháng VND	Từ trên 1 năm đến 5 năm VND
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	217.769.638.076	-	-	-
Các khoản cho vay (*)	2.487.280.054	4.223.929.134.478	-	-	-
Tài sản tài chính HTM	-	-	-	827.000.000.000	-
Các khoản phải thu (Thuyết minh 3.3) (*)	5.443.335.400	33.821.159.715	-	15.801.260.274	-
Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	93.500.000	116.774.000	54.000.000	5.715.592.332
Tổng tài sản tài chính	7.930.615.454	4.475.613.432.269	116.774.000	842.855.260.274	5.715.592.332
					5.332.231.674.329
Nợ phải trả tài chính					
Vay ngắn hạn	-	50.000.000.000	1.825.227.000.000	302.154.000.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	3.379.872.819	-	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn	-	5.689.772.051	-	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	5.205.055.597	1.300.949.298	4.381.693.788	-
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	-	37.707.920	-	-	-
Tổng nợ phải trả tài chính	-	64.312.408.387	1.826.527.949.298	306.535.693.788	-
					2.197.376.051.473
Mức chênh lệch thanh khoản thuần	7.930.615.454	4.411.301.023.882	(1.826.411.175.298)	536.319.566.486	5.715.592.332
					3.134.855.622.856

(*) Số dư này không bao gồm dự phòng.



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Quá hạn	Trong hạn				Tổng cộng VND
	Trên 3 tháng VND	Đến 1 tháng VND	Từ trên 1 tháng đến 3 tháng VND	Từ trên 3 tháng đến 12 tháng VND	Từ trên 1 năm đến 5 năm VND	
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	653.076.061.644	-	-	-	653.076.061.644
Các khoản cho vay (*)	2.487.280.054	3.053.108.769.018	-	-	-	3.055.596.049.072
Tài sản tài chính HTM	-	100.000.000.000	100.000.000.000	588.000.000.000	-	788.000.000.000
Các khoản phải thu (Thuyết minh 3.3) (*)	5.443.648.045	37.304.167.635	6.049.315.068	16.451.161.644	-	65.248.292.392
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-	-	461.406.736	5.856.208.622	6.317.615.358
Tổng tài sản tài chính	7.930.928.099	3.843.488.998.297	106.049.315.068	604.912.568.380	5.856.208.622	4.568.238.018.466
Nợ phải trả tài chính						
Vay ngắn hạn	-	359.991.000.000	435.809.000.000	753.454.000.000	-	1.549.254.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	3.207.895.094	-	-	-	3.207.895.094
Phải trả người bán ngắn hạn	-	1.724.520.703	-	-	-	1.724.520.703
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	1.573.178.560	3.539.824.377	6.053.964.576	-	11.166.967.513
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	-	8.485.689	-	-	-	8.485.689
Tổng nợ phải trả tài chính	-	366.505.080.046	439.348.824.377	759.507.964.576	-	1.565.361.868.999
Mức chênh lệch thanh khoản thuần	7.930.928.099	3.476.983.918.251	(333.299.509.309)	(154.595.396.196)	5.856.208.622	3.002.876.149.467

(*) Số dư này không bao gồm dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Quản trị nguồn vốn

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Báo cáo này được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ Thông tư 91/2020/TT-BTC quy định cách tính chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo đó, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tỷ lệ vốn khả dụng đã được kiểm toán của Công ty là 1.276% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.155%).

9 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Dưới 1 năm	22.302.851.871	21.508.479.147
Từ 1 đến 5 năm	42.783.410.539	59.521.473.171
Tổng cộng	65.086.262.410	81.029.952.318

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày kết thúc năm tài chính nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

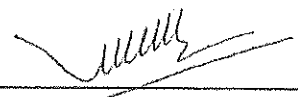
	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Phần mềm vi tính	196.950.000	279.750.000
Cải tạo văn phòng	-	124.222.290
Tổng cộng	196.950.000	403.972.290

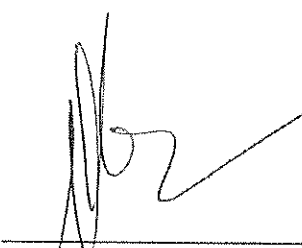
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

10 KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM TÀI CHÍNH

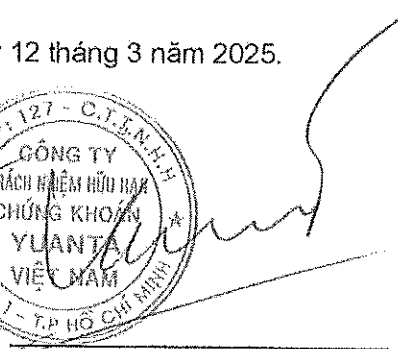
	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
a) Cửa Công ty Cổ phiếu	4.400	265.961.500
b) Cửa nhà đầu tư Cổ phiếu	6.829.880.636	159.619.084.558.740
Chứng chỉ quỹ	85.856.424	603.230.052.983
Hợp đồng tương lai	680.421	87.176.147.100.000
Tổng cộng	6.916.421.881	247.398.727.673.223

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 12 tháng 3 năm 2025.


Đào Thị Ngọc Thủy
Người lập


Bùi Đình Vinh
Kế toán trưởng




Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc